

CHƯ KINH DIỄN ÂM

Di sản văn hóa đặc sắc

của Phật giáo Việt Nam

(Trong đây giới thiệu tổng thể về bộ Chư Kinh Diễn Âm và đưa vào tất cả các file chữ Nôm cổ, các file xuất bản 2021 & 2022 dưới cước chú, để giúp cho người nghiên cứu bộ kinh có đủ tài liệu)

MỤC LỤC

1. Thống kê sơ bộ các bản kinh khắc in tại chùa Xiển Pháp	3
2. Tóm lược nội dung Chư kinh điển âm.....	4
3. Bản Chư kinh điển âm lưu trữ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội	5
4. Các bản riêng lẻ của Chư kinh điển âm lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm	6
5. Hai bản riêng lẻ của Chư kinh điển âm lưu trữ tại thư viện Quốc gia Việt Nam.....	8
6. Kết cấu nội dung Chư kinh điển âm trong tài liệu HN446-SP153	
- Bìa sách.....	9
- Tổng mục	9
- Chư kinh điển âm dẫn	10
- Quyển thứ nhất: Kinh Nhân Quả (Nhân quả kinh điển âm)	10
- Quyển thứ hai: Kinh Bồ Thí (Bồ thí công đức kinh điển âm)	11
- Quyển thứ ba: Kinh Mục Liên (Mục Liên kinh điển âm)	11
- Quyển thứ tư: Kinh Di Đà (Di Đà kinh trích yếu điển âm)	12
- Lâm Chùa Thờ Phật Được Phúc Chịu Tội Nhân Duyên Dẫn	13
- Quyển thứ năm: Kinh Ngũ Vương (Ngũ vương kinh điển âm)	13
- Quyển thứ sáu: Kinh Xuất Gia (Xuất gia công đức kinh điển âm)	13
- Quyển thứ bảy: Kinh Thập Lục Quán (Thập lục quán kinh điển âm)	14
- Quyển thứ tám: Tịnh Độ (Tịnh Độ điển âm)	
1/Quy Nguyên Tịnh Độ (Quy nguyên Tịnh Độ điển âm)	14
2/Long Thư Tịnh Độ (Long Thư Tịnh Độ điển âm)	15
3/Pháp thí yếu lục	16
- Kinh nghiệm lương phương	16
7. Tư tưởng Tịnh Độ của Thiền sư Tỉnh Định qua Chư kinh điển âm	17
CHƯ KINH ĐIỂN ÂM YẾU LỤC	18
8. Lời kết	34
Tài liệu tham khảo	35

CHƯ KINH DIỄN ÂM – DI SẢN VĂN HÓA ĐẶC SẮC CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Cư sĩ Nguyễn Văn Quyền

1. Thống kê sơ bộ các bản kinh khắc in tại chùa Xiển Pháp

Chùa Xiển Pháp do Thiền sư Tính Định¹ kiến tạo, là nơi Ngài tổ chức khắc ván hoằng dương nhiều bộ kinh Phật trong khoảng hơn hai chục năm ở cuối thế kỷ 19. Rất đáng tiếc, hiện nay chùa không còn do chiến tranh phá hoại và những bộ ván khắc kinh cũng không còn. Chỉ còn lại những bản in được lưu giữ ở các chùa và cơ bản được lưu trữ tại các thư viện lớn, gồm các bản chữ Hán và các bản chữ Nôm. Tạm thống kê các bản chữ Hán gồm:

1. *Lễ thập phương Phật nghi (Chư kinh nhật tụng)*
2. *Dược Sư kinh*
3. *Kim Cương kinh*
4. *Đại thừa Kim Cương kinh luận*
5. *Ngũ bách danh Quán Thế Âm kinh*
6. *Tam quy ngũ giới kinh*
7. *Hộ chư đồng tử Đà la ni chú kinh*
8. *Hồi dương nhân quả lục*
9. *Đại tạng kinh mục lục*
10. *Diệu Pháp Liên hoa kinh Quán Thế Âm Bồ tát phổ môn phẩm*
11. *Lục Tổ đàn kinh*

¹ Thiền sư họ Hàn, tên là Thái Ninh, sinh năm Nhâm Dần (1842) tại Đồng Dương, Thanh Oai, Hà Đông trong gia đình có truyền thống Nho học. Ngài đã từng làm quan trong phủ Tổng đốc Hà Nội. Gặp cơ duyên ngộ đạo liền phát tâm xả tục xuất gia tu hành đạo Phật vào năm 27 tuổi. Ban đầu cầu đạo với Tổ sư Chính Bình đời thứ 11 thiền phái Tào Động, được thụ giới Sa Di với Pháp danh Tâm Châu. Sau đó Ngài phát tâm Đại thừa hành Bồ Tát đạo nên cầu giới Bồ Tát với Tổ sư Quang Lư, được ban đạo hiệu là Tính Định, và được Tổ chỉ dẫn tu pháp môn Tịnh Độ. Năm Nhâm Thân (1872) nhân đến thăm khu vườn trại của quan Tổng đốc Hà Thành thuộc thôn An Trạch, phường Hà Khẩu, tổng Đông Thọ, huyện Thọ Xương (nay thuộc phố Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội), Ngài thấy đây là một mảnh đất đẹp có thể dựng chùa liền mua lại rồi tiến hành xây dựng chùa vào năm Ất Hợi (1875), đặt tên là Xiển Pháp Tự, thể hiện chùa là nơi xiển dương giáo pháp nhà Phật. Chùa Xiển Pháp từng là trung tâm in ấn kinh Phật nổi tiếng ở Hà Nội thời bấy giờ. Suốt đời tu hành, Ngài dịch kinh, thuyết Pháp, thành lập đạo tràng, khai sáng Sơn môn Xiển Pháp, chuyên hoằng dương pháp môn Tịnh Độ không biết mệt mỏi. Đương thời, cùng với Thiền sư Nguyên Biều Thích Nhất Thiết Luật sư chùa Thiên Sơn Bồ Đề, cả hai Ngài là những bậc tông tượng Phật giáo tại miền Bắc, đều chuyên tu chuyên hoằng Tịnh Độ. Tiêu chí tu tập của Thiền sư Nguyên Ưn phù hợp với người xuất gia, nỗ lực tu hành quyết chí vãng sinh Thượng phẩm. Còn Thiền sư Tính Định thì truyền bá pháp tu phù hợp với mọi căn cơ, từ người xuất gia đến người tại gia, từ người trí thức đến người bình dân, người nhàn rỗi, người bận rộn, ai cũng tu được, đưa tư tưởng Tịnh Độ đến khắp quần chúng nhân dân, khiến người người đều được hưởng lợi ích từ Phật pháp. Ngài viên tịch ngày mùng Một tháng Sáu năm Tân Sửu (1901), thọ 60 tuổi. Ngài là Sơ tổ Sơn môn Xiển Pháp, Pháp mạch truyền thừa đến ngày nay.

12. *Đại Bi xuất tướng*

13. *Bồ thí công đức kinh*

14. *Tạo tượng lượng đặc kinh* (cuối sách là bài *Tạo tượng lượng đặc kinh trích yếu Phật tượng diễn âm*² do Thiền sư Tính Định soạn dịch bằng chữ Nôm theo thể văn xuôi)

15. *Xiển Pháp tự cảm ứng linh thiêm*

Để cho tín đồ Phật tử dễ hiểu, dễ thấm nhuần nghĩa lý kinh điển và khiến Phật pháp được truyền bá rộng khắp, Thiền sư Tính Định đã dày công biên soạn, dịch nghĩa kinh điển từ chữ Hán ra chữ Nôm. Các bản chữ Nôm được dịch theo thể thơ lục bát, tập hợp thành bộ *Chư kinh diễn âm* gồm tám quyển. Mở đầu có một bài tựa viết theo thể văn xuôi, gọi là *Chư kinh diễn âm dẫn*, cuối phụ thêm 13 bài thuốc Đông y chữa bệnh. Ngoài ra, còn một bản diễn Nôm theo thể thơ lục bát về các ngày đản sinh của chư Phật, Bồ tát có nhan đề *Bảo đản nhật diễn âm*³, không liệt kê vào bộ *Chư kinh diễn âm*. Bài tham luận này, tôi chuyên khảo về bộ *Chư kinh diễn âm*, một bộ kinh chữ Nôm độc đáo, một di sản văn hóa đặc sắc của Phật giáo Việt Nam.

2. Tóm lược nội dung *Chư kinh diễn âm*

Nghiên cứu thư tịch cho thấy, *Chư kinh diễn âm* được Thiền sư Tính Định phiên dịch và cho khắc in dần trong nhiều năm, đến khi hoàn thành đủ cả tám quyển thì viết một lời tựa có tiêu đề là *Chư kinh diễn âm dẫn*, nói khái quát về lý do diễn âm kinh Phật từ chữ Hán sang chữ Nôm, rồi ghi ra danh mục và tóm lược nội dung mỗi quyển:

"Phật giáng sinh ở nước Thiên Trúc, lấy chữ Phạn làm chữ kinh. Kinh đến nước nào phải dịch ra tiếng chữ nước ấy. Kinh đến nhà Hán dịch ra chữ Nho. Chữ Nho là chữ bên Tàu, ta mà học phải học nghĩa ra tiếng nước ta thì mới biết. Học có tỏ thì mới biết đường tu, học mờ mờ thì không biết gì. Bởi thế mới phải dịch ra tiếng nước ta, là chữ Nôm, thì người già trẻ ai ai cũng dễ biết. Người ta bây giờ chớ chê rằng chữ Nôm, mà phải tội lớn ở trong Phật pháp. Huống như người ta học đã dễ biết mà tu, lại được ngoại hộ trong Phật pháp. Làm thầy cũng nên gắng công mà dạy cho người biết, thì mới phải là thầy, lại là hộ trong được đạo pháp.

² <https://drive.google.com/file/d/106v7A8cyoY0ub5doyXL6ID11FTBO3MvH/view?usp=drivesdk>

³ Hiện có một bản in lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mang ký hiệu AB.112: https://drive.google.com/file/d/1wyQw5DKcQizVm3c_0o4xu67kHwxBQJaY/view?usp=drivesdk

Kinh Quốc âm này tám quyển là nhiều nghĩa. *Kinh Nhân Quả*, biết rằng những đời trước làm thiện, thì đời này chịu phúc, trước làm ác đời này chịu khổ, để mà suy nhân. *Kinh Bố Thí*, để mà biết sang hèn giàu nghèo. *Kinh Mục Liên*, để mà biết ba đường dữ khổ. *Kinh Di Đà*, để mà biết sung sướng lâu dài khỏi phải thay thân đổi xác. *Kinh Ngũ Vương* để mà biết ở đời khổ, dối như chiêm bao. *Kinh Xuất gia*, biết rằng tu một ngày mà công đức cũng rộng lớn. *Kinh Thập lục quán* để mà dễ tu, như Thiền định trí tuệ đại thừa càng khó lắm. Còn *Tịnh Độ* là đường tu tắt, trăm nghìn người cũng chẳng sót ai. Lại có bài *Bát Tịnh Quán* để mà biết pháp tu Thiền định. Lại *Kệ Vô Tướng Chân Không*, để sinh trí tuệ thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề. Tám quyển này đủ cả pháp tu, lại được dễ học dễ làm dễ biết.

Có học kinh, tụng kinh thì mới biết rằng, là người mà làm được Thần Thánh, Trời Bồ Tát Phật, hay là không tu mà sau phải làm súc sinh quỷ đói địa ngục, vô cùng khổ não. Như người thế gian, chỉ biết ăn mặc, tiền của quyền thế, sắc dục chơi bời, trước mắt mà thôi, còn dài lâu về sau thì không nghĩ đến, bởi thế mới phải quý kinh điển mà học. Phật bảo rằng giết bảy đời cha mẹ, tội nặng không bằng người mà chẳng kính kinh điển, cùng với hủy hoại kinh điển. Người nào lĩnh kinh mà không học nữa, thì đưa cho người khác, đừng có hủy hoại mà chịu tội lâu dài.

Tiền của thì được một đời, kinh sách là được lợi muôn kiếp. Người ta nên nghĩ sâu nông, là người mà không học kinh, là người lừa thực là khá thương”.

Như vậy, *Chư kinh diễn âm dẫn* đã ghi rõ bộ kinh gồm tám quyển: *Kinh Nhân Quả*, *Kinh Bố Thí*, *Kinh Mục Liên*, *Kinh Di Đà*, *Kinh Ngũ Vương*, *Kinh Xuất Gia*, *Kinh Thập Lục Quán* và *Tịnh Độ*. Trong các tài liệu gốc không in nhan đề bộ kinh, chỉ thông qua tiêu đề lời tựa là “Chư kinh diễn âm dẫn”⁴ mà thấy được Thiền sư Tính Định đặt tên cho bộ kinh tám quyển này là “Chư kinh diễn âm”.

3. Bản *Chư kinh diễn âm* lưu trữ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội

Qua sưu tầm nghiên cứu, tính đến thời điểm này, cá nhân tôi chưa thấy thông tin nào về văn bản gốc của *Chư kinh diễn âm* còn được lưu giữ tại các ngôi chùa. Tạm thời, tôi được biết ba thư viện đang lưu trữ là Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam. Trong đó, bản lưu trữ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội có mã số HN446-SP153 được đăng tải trên trang mạng Thư viện Anh là bản có nội dung

⁴ “Chư kinh diễn âm dẫn” nghĩa là “lời tựa Chư kinh diễn âm”. Dẫn (導), quen đọc Dẫn, nghĩa là lời dẫn, lời tựa.

đầy đủ bộ kinh, được một bậc tiền nhân (chưa rõ lai lịch) tập hợp các bản in riêng lẻ, sắp xếp nội dung theo đúng thứ tự, đóng thành một tập, rồi viết thêm một trang Tổng mục (mục lục chung) ghi rõ nhan đề tám quyển đúng theo danh mục trong *Chư kinh diễn âm dẫn*, đồng thời kèm thêm hai phần phụ:

1. *Nhân quả kinh diễn âm*
2. *Bồ thí công đức kinh diễn âm*
3. *Mục Liên kinh diễn âm*
4. *Di Đà kinh trích yếu diễn âm* (Phụ: *Tạo tự phụng Phật nhân duyên dẫn*)
5. *Ngũ vương kinh diễn âm*
6. *Xuất gia công đức kinh diễn âm*
7. *Thập lục quán kinh diễn âm*
8. *Tịnh Độ diễn âm* (Phụ: *Pháp thí yếu lục*)

Đầu sách là bài *Chư kinh diễn âm dẫn*, cuối sách là các bài thuốc *Kinh nghiệm lương phương*, hai tiêu đề này không ghi vào Tổng mục⁵.

4. Các bản riêng lẻ của *Chư kinh diễn âm* lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm lưu trữ các bản riêng lẻ có ký hiệu, tên sách, và có nội dung theo cách ghi tại bản HN446-SP153 như sau:

KÝ HIỆU	TÊN SÁCH (Theo cách gọi của VNC Hán Nôm)	NỘI DUNG (Gồm có trong bản HN446-SP153)
AB.94	Long Thư Tịnh Độ diễn âm	- Long Thư Tịnh Độ diễn âm
AB.95	Phật thuyết thập lục quán kinh diễn âm	- Thập lục quán kinh diễn âm - Pháp thí yếu lục
AB.96	Nhân quả chư kinh trích yếu diễn âm	- Nhân quả kinh diễn âm
AB.97	Phật thuyết Mục Liên cứu mẫu kinh diễn âm	- Mục Liên kinh diễn âm

⁵ File ảnh bộ *Chư kinh diễn âm* của Viện Thông tin Khoa học xã hội có mã số HN446-SP153, gồm những ảnh màu chụp từng trang nối tiếp, hiện nằm trên đường link của Thư viện Anh: <https://eap.bl.uk/archive-file/EAP219-1-9-3> với tên gọi “諸經演音 Chư kinh trích yếu diễn âm”. Theo thông tin trên đường link, trong khoảng từ ngày 19/3/2010 đến ngày 16/1/2011, Viện Thông tin Khoa học xã hội có giao bản chụp HN446-SP153 cho Giáo sư, Tiến sĩ Philip Alperson, sau đó Thư viện Anh đẩy vào hệ thống thư viện số hóa của họ. Đầu năm 2021, hệ thống tìm kiếm của google mới quét và đưa lên chỉ mục tìm kiếm trên google. Các ảnh của HN446-SP153 được tập hợp trong file pdf: <https://drive.google.com/file/d/1dGWBeWiLSCFkaz83y9oCXDFcsoyPfrTw/view?usp=drivesdk>.

Tuy bản gốc trọn bộ *Chư kinh diễn âm* được lưu trữ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội, nhưng thư viện quá nhiều đầu sách Hán Nôm, đồng thời danh từ *Chư kinh diễn âm* cũng hiếm được nghe, nên có lẽ bản HN446-SP153 trước đây chưa được các nhà nghiên cứu kinh Phật lưu ý, nếu nghiên cứu về các bản kinh chùa Xiển Pháp, thì hầu như chỉ tìm kiếm tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, nên trước năm 2021 trên đường thông tin mạng không thấy nói đến bản *Chư kinh diễn âm* này. Rất may, Viện Thông tin Khoa học xã hội đã số hóa và được Thư viện Anh đưa lên mạng, mà trong khi sưu tầm *Chư kinh diễn âm* tôi đã tìm thấy vào lúc 7 giờ sáng mùng 10 tháng Chạp năm Canh Tý (22/01/2021).

AB.98	Chư kinh diễn âm	- Chư kinh diễn âm dẫn - Di Đà kinh trích yếu diễn âm - Kinh nghiệm lương phương
AB.99	Quy nguyên Tịnh Độ diễn âm	- Quy nguyên Tịnh Độ diễn âm
AB.100	Làm chùa thờ Phật được phúc chịu tội nhân duyên	- Tạo tự phụng Phật nhân duyên dẫn
AB.102	Bồ thí công đức kinh diễn âm	- Bồ thí công đức kinh diễn âm
AB.103	Phật thuyết ngũ vương kinh diễn âm	- Ngũ vương kinh diễn âm
AB.104	Xuất gia công đức kinh diễn âm	- Xuất gia công đức kinh diễn âm

Các sách trên đều cùng kích thước 26x14,5cm, đóng làm 4 tập: 1-AB.94; AB.95; AB.96. 2- AB.97. 3- AB.98; AB.99; AB.100. 4- AB.101; AB.102; AB.103; AB.104⁶.

Các file được scan màu trực tiếp từ sách gốc, có độ nét hơn ảnh trong HN446-SP153, tổng số các bản lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm gom lại đủ bộ, chỉ thiếu bốn trang cuối AB.99, tôi dùng các ảnh này sắp xếp lại theo đúng nội dung HN446-SP153⁷, rồi cùng với sự trợ giúp của các Phật tử Trung tâm Khoa học tín ngưỡng Việt Lạc - Công ty TNHH Vilapa, tôi đã xử lý bộ ảnh màu này chuyển sang ảnh đen trắng, chỉnh chữ rõ nét, để dùng

⁶ File pdf ảnh màu các bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm:

AB.94: <https://drive.google.com/file/d/1fRZACatSpYkpDbpzqmIdN-BPawzSZNet/view?usp=drivesdk>
AB.95: https://drive.google.com/file/d/1d_bDAagM-Z_u_GCUfTaHEQrAWNo56b3w/view?usp=drivesdk
AB.96: <https://drive.google.com/file/d/14a5-wAcOFTVj-wu8cNzPb7oGDvS3IQS/view?usp=drivesdk>
AB.97: <https://drive.google.com/file/d/1wBxUng6ittlltnclOxqPn17GyVFETDOK/view?usp=drivesdk>
AB.98: <https://drive.google.com/file/d/1-M9WHw1kVBdmSaSv45G9KqPGOdCc0Y6G/view?usp=drivesdk>
AB.99: <https://drive.google.com/file/d/1hL9YHacEBnOpht1Twakt9E4kSbdy2ins/view?usp=drivesdk>
AB.100: https://drive.google.com/file/d/1JIIYU_olxx7HELwWC2bbhg7B5tQXpSP0/view?usp=drivesdk
AB.101: <https://drive.google.com/file/d/1aIEliOBf0Qsg1TmJVbkmVBekljMozLoM/view?usp=drivesdk>
AB.102: <https://drive.google.com/file/d/1bbHYt4yvzLxCdJk3s98vkfrHVFdGCiG-/view?usp=drivesdk>
AB.103: https://drive.google.com/file/d/1B_nnhaZGI6OKkucCoABPP_ujAkmBBwh/view?usp=drivesdk
AB.104: <https://drive.google.com/file/d/1G7iSSZUivGKZY1JbGiO2wgFpyXog0Oe7/view?usp=drivesdk>

Trong đó, AB.101 là bản chữ Hán có tên *Bồ thí công đức kinh*, không thuộc bộ *Chư kinh diễn âm*, bản AB.102 chính là bản diễn Nôm từ bản chữ Hán này.

Tuy thư tịch tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm có đủ bộ kinh, nhưng căn cứ theo các bản riêng lẻ này thì không thể sắp xếp chính xác được trọn bộ, nếu xếp theo thứ tự ký hiệu thì càng sai. Thường bị hiểu nhầm *Chư kinh diễn âm* là một bản có ký hiệu AB.98, nếu không nghiên cứu kỹ bài *Chư kinh diễn âm dẫn*. Kỳ thực, vì các bản không có nhan đề tại bìa lót, và do bài đầu tiên trong bản này có tiêu đề *Chư kinh diễn âm dẫn*, nên khi liệt kê mục lục sách trong thư viện, người kiểm sách đã đặt ký hiệu AB.98 cho bản này với tên sách là *Chư kinh diễn âm*. Việc đặt tên này vô tình đã gây hiểu nhầm về nội dung thật của *Chư kinh diễn âm*, vì thế cho nên trước đây các nhà nghiên cứu thư tịch chùa Xiển Pháp trong Viện Nghiên cứu Hán Nôm thường bị hiểu nhầm *Chư kinh diễn âm* là một bản riêng có ký hiệu AB.98 không liên quan đến các bản diễn âm khác, mà không biết rằng cả 10 bản ký hiệu từ AB.94 đến AB.104 (trừ AB.101) đều thuộc bộ *Chư kinh diễn âm*.

⁷ Trong file sau đây xếp lại tất cả ảnh của các bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm theo thứ tự trong bản HN446-SP153, hai trang đầu (1, 2), một trang không có nội dung (198), và bốn trang thiếu (211-214) cũng được bổ sung từ HN446-SP153: <https://drive.google.com/file/d/1BKGPBJR0MySQoPEE6bsjUsDkLjA81FCP/view?usp=drivesdk>

cho việc phục chế sách cổ, in ấn lưu thông⁸. Khi hoàn thành, trước tiên công ty TNHH Vilapa phát tâm in 100 cuốn theo lối cổ dâng lên chùa Đại Từ Ân. Kế tiếp, file ảnh này được dùng để thiết kế bản in cho bộ *Chư kinh diễn âm* trình bày đối chiếu Nôm - Quốc ngữ, do Thượng tọa Thích Tiến Đạt tổ chức xuất bản, nhằm phục hưng và hoằng dương *Chư kinh diễn âm*.

5. Hai bản riêng lẻ của *Chư kinh diễn âm* lưu trữ tại thư viện Quốc gia Việt Nam

Với bộ *Chư kinh diễn âm*, thì tài liệu đầu tiên tôi tìm được là bản có mã số NLVNPF-0148.R.5651 lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, được thư viện đặt tên là *Di Đà nhân quả chính kinh diễn âm*⁹, trong đó gồm hai bản kinh quan trọng nhất trong bộ *Chư kinh diễn âm* là kinh *Di Đà* và kinh *Nhân Quả*, có lời tựa *Chư kinh diễn âm dẫn* ở đầu sách và các bài thuốc ở cuối sách. Tôi đã phiên âm và trình bày bản này theo hình thức đối chiếu Nôm - Quốc ngữ, xuất bản ấn tống đầu năm 2021 với nhan đề *Chư kinh diễn âm (kinh Di Đà & kinh Nhân Quả)*¹⁰. Đây là bản dịch đầu tiên lấy nhan đề *Chư kinh diễn âm* theo ý chỉ của Thiền sư Tính Định.

Tôi tìm được NLVNPF-0148.R.5651 từ năm 2019, mãi đến đầu năm 2021 mới tìm được bản HN446-SP153 có đầy đủ nội dung bộ kinh. Dự định sẽ xuất bản ấn tống tiếp trọn bộ, nhưng sau khi được biết Thượng tọa Thích Tiến Đạt là hậu duệ sơn môn Xiển Pháp cũng sưu tập tài liệu từ Viện Nghiên cứu Hán Nôm để xuất bản, nên tôi đã giúp Thượng tọa hoàn thành bộ sách¹¹, với tâm nguyện *Chư kinh diễn âm* cùng tư tưởng Thiền sư Tính Định được truyền bá rộng khắp trong xã hội. Đây là bản Nôm - Quốc ngữ đủ bộ tám quyển được xuất bản lần đầu tiên sau hơn trăm năm *Chư kinh diễn âm* ra đời¹².

⁸ Bản Nôm đen trắng sửa thủ công:

https://drive.google.com/file/d/1Td7xht_82ySL2gqpYFnn_XFW4WimRCUg/view?usp=drivesdk

⁹ NLVNPF-0148.R.5651 <https://lib.nomfoundation.org/collection/1/volume/193>

¹⁰ *Chư kinh diễn âm (kinh Di Đà & kinh Nhân Quả)*, xuất bản theo QĐXB: 24/QĐ-NXBTG ngày 19 tháng 01 năm 2021: <https://drive.google.com/file/d/15auTzuXsHtfYrKPfqcYI8Q7cy2BzEvi4/view?usp=drivesdk>).

¹¹ Trong quá trình biên tập bộ sách đều do Đại đức Thích Di Sơn liên hệ với tôi, để tạo ảnh chữ Nôm rõ nét trình bày trong sách, tôi đã đề nghị Đại đức sưu tập các file ảnh màu AB.94 - AB.104 từ Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

¹² *Chư kinh diễn âm*, xuất bản theo Quyết định xuất bản số 464/QĐ-NXBTG ngày 11/02/2022: <https://drive.google.com/file/d/1RNHKSvgW7izk0kKC9TUUQgxHoMtcIB8vg/view?usp=drivesdk>

Tài liệu thứ hai có mã số NLVNPF-0851.R.356 với tên gọi *Phật thuyết ngũ vương kinh diễn âm*¹³, trong đó gồm cả *Xuất gia công đức kinh diễn âm*. Bản dịch NLVNPF-0148.R.5651 có sử dụng ảnh bài *Đại Từ Bồ tát phát nguyện toàn kệ* cuối kinh *Ngũ vương* và ảnh bài *Vãng sinh thần chú* cuối kinh *Xuất gia* làm tư liệu.

6. Kết cấu nội dung *Chư kinh diễn âm* trong tài liệu HN446-SP153

Từ khi Thiền sư Tính Định soạn dịch và khắc in *Chư kinh diễn âm* đến nay đã hơn trăm năm. Qua khảo cứu cho thấy các bản kinh của bộ *Chư kinh diễn âm* này được khắc in dần, đóng quyển theo nhiều hình thức, đóng riêng từng quyển, hoặc đóng chung vài quyển. Tạm thời được biết, duy nhất HN446-SP153 là bản tập hợp đầy đủ bộ kinh. Nhờ có bậc tiền nhân, nhờ có bản số hóa HN446-SP153 của Viện Thông tin Khoa học xã hội, nhờ có GS.TS. Philip Alperson và Thư viện Anh đăng lên mạng, mà ngày nay chúng ta có được một bộ *Chư kinh diễn âm* chuẩn mực để phiên dịch xuất bản đúng nội dung. Sau đây khảo cứu chi tiết về kết cấu nội dung bản HN446-SP153, đồng thời so sánh với các bản khác.

- Bìa sách [1]¹⁴: Giấy bìa màu nâu nhạt, khi lưu trữ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội được dán dính hai mảnh giấy nhỏ màu vàng, viết chữ bằng bút máy mực Cửu Long, mảnh nhỏ dán phía trên ghi HN446, mảnh to dán ngay dưới, ghi SP153 và bốn chữ Hán 諸經演音 (*Chư kinh diễn âm*).

- Tổng mục [2]: Đây là trang do bậc tiền nhân viết tay, chữ viết rất đẹp, ghi rõ mục lục bộ *Chư kinh diễn âm*. Ngoài trang Tổng mục này, không để lại bút tích nào khác, nên chúng ta khó có thể biết được lai lịch của bậc tiền nhân, nhưng chắc chắn rằng, đây là người có trình độ học vấn cao và rất tâm huyết trong việc xiển dương bộ *Chư kinh diễn âm*, rất có thể là một bậc xuất gia tu hành sống khoảng đầu thế kỷ 20 thuộc sơn môn Xiển Pháp, hoặc có quan hệ thân cận với sơn môn Xiển Pháp, nên biết rõ ý định sắp xếp bộ kinh của Thiền sư Tính Định. Nếu là người không được truyền đạt, thì khó có thể tập thành bộ kinh, trong điều kiện *Chư kinh diễn âm* còn đang là những bản riêng lẻ, chưa được Thiền sư cho khắc in tổng tập trong một cuốn.

¹³ NLVNPF-0851.R.356 <https://lib.nomfoundation.org/collection/1/volume/1060>

¹⁴ Số trong ngoặc vuông [] là số thứ tự trang trong file pdf tập hợp các ảnh từ bản HN446-SP153: <https://drive.google.com/file/d/1dGWBeWiLSCFkaz83y9oCXDFcsoyPfrTw/view?usp=drivesdk>.
Bản phiên âm tương ứng theo thứ tự từng trang: <https://drive.google.com/file/d/1aP96Ymtq38uV9LB9Au0zGmE2YxgOj2aD/view?usp=drivesdk>

Tám quyền đều không in nhan đề¹⁵, chỉ biết đến thông qua bài *Chư kinh diễn âm dẫn*. Nhờ có Tổng mục này mà chúng ta càng rõ tiêu đề mỗi quyền, nhất là biết được tiêu đề quyền thứ tám là *Tịnh Độ diễn âm*, bởi vì khi đọc *Chư kinh diễn âm dẫn*, tuy thấy nói đến hai chữ Tịnh Độ trong câu: “Kinh Thập Lục Quán để mà để tu, như Thiền định trí tuệ đại thừa càng khó lắm. Còn Tịnh Độ là đường tu tắt, trăm nghìn người cũng chẳng sót ai. Lại có bài Bát Tịnh Quán để mà biết pháp tu Thiền định. Lại Kệ Vô Tướng Chân Không, để sinh trí tuệ thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề”, nhưng khi đọc trên văn bản chữ Nôm, mỗi dấu ngắt câu đều là khuyên tròn, chữ không phân biệt in hoa in thường như chữ Quốc ngữ, mà sau đó lại nói đến bài Bát Tịnh Quán và Kệ Vô Tướng Chân Không, khiến cho người đọc nghĩ rằng hai chữ Tịnh Độ này chỉ pháp môn Tịnh Độ, nên có thể hiểu nhầm Bát Tịnh Quán là quyền thứ tám. Không ngờ hai chữ Tịnh Độ là từ nói tắt tiêu đề quyền thứ tám (*Tịnh Độ diễn âm*), còn Bát Tịnh Quán và Kệ Vô Tướng Chân Không chỉ là tiêu đề của hai bài thuộc phần phụ (Pháp thí yếu lục). Cho nên, tuy Viện Nghiên cứu Hán Nôm có đủ tài liệu các nội dung bộ *Chư kinh diễn âm*, và tuy chúng ta nghiên cứu kỹ bài *Chư kinh diễn âm dẫn*, mà không có bản HN446-SP153 thì cũng không thể sắp xếp được đúng nội dung quyền thứ tám.

- Chư kinh diễn âm dẫn [3]: Đây là lời tựa bộ sách, gồm 2 tờ (4 trang: từ trang 3 đến trang 6), trên gáy mỗi tờ đều khắc 5 chữ 諸經演音引 (Chư kinh diễn âm dẫn), trong đó nói rõ nhan đề tám quyền, gồm 476 chữ. So sánh *Chư kinh diễn âm dẫn* giữa HN446-SP153 với AB.98 và NLVNPF-0148, thấy từ nội dung đến nét chữ và khung đều giống nhau, cho thấy ba bản cùng được in ra từ một bộ ván khắc.

Sau đây, ghi ra nhan đề tám quyền theo cách gọi tắt trong bài này, kèm đưa vào ngoặc đơn () cách gọi theo trang Tổng mục.

- Quyền thứ nhất: Kinh Nhân Quả (Nhân quả kinh diễn âm): Quyền này có 12 tờ (24 trang: từ trang 7 đến trang 30), trên gáy mỗi tờ khắc 4 chữ 因果演音 (Nhân Quả Diễn Âm), đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Thập nhị (12). Nội dung gồm: Nhân quả chư kinh trích yếu diễn âm [7]; Giới sát giải âm [18]; Giới tham lận giải âm [19]; Khuyển ân ái giải âm [20]; Giới bất tri bảo thân giải âm [21]; Tam ác đạo giải âm [22]; Phạn tự bí mật thần chú nhân các nghi bội [29]. Tổng cộng có 3.322 chữ, trong đó có 83 chữ Phạn ở bài cuối, gồm 434 câu thơ.

¹⁵ Các bản diễn âm đều không có trang bìa lót in nhan đề, đồng thời cũng không ghi thời gian khắc ván.

So sánh *Nhân quả kinh diễn âm* giữa HN446-SP153 với AB.96 và NLVNPF-0148, thấy cơ bản là tương đồng, nhưng cả ba bản đều có sự khác nhau về hình dạng trong một số chữ và một số tờ có khung khác nhau, cho thấy có thể bản *Nhân quả kinh diễn âm* này có từ hai bộ ván in trở lên, hoặc chỉ có một số tấm ván được khắc thêm.

Ngoài ra theo thông tin trên trên mạng, Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn lưu trữ bản *Nhân quả kinh diễn âm* mang ký hiệu AB.351 gồm 32 trang, khổ 26x16 cm, các trang sách phần trên là chữ Hán, phần dưới là chữ Nôm, cho thấy kinh này được khắc in phát hành khá nhiều.

- Quyền thứ hai: Kinh Bồ Thí (Bồ thí công đức kinh diễn âm): Quyền này có 20 tờ (40 trang: từ trang 31 đến trang 70), trên gáy mỗi tờ khắc 7 chữ 布施功德經演音 (Bồ thí công đức kinh diễn âm) đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Nhị thập (20), gáy tờ thứ nhất có thêm chữ 序 (Tự). Nội dung gồm: Tam bảo tán diễn âm [31]; Hiền Ngu kinh hải thần nạn vấn trích yếu diễn âm [33]; Hiền Ngu kinh bồ thí công đức trích yếu diễn âm [38]; Hiền Ngu kinh trích yếu diễn âm [40]; Hiền Ngu kinh trích yếu diễn âm [43]; Pháp Tạng kinh trích yếu diễn âm [46]; Pháp Tạng kinh trích yếu diễn âm [47]; Bảo Tích kinh trích yếu diễn âm [48]; Địa Tạng kinh hiệu lượng công đức trích yếu diễn âm [49]; Địa Tạng kinh bồ thí công đức trích yếu diễn âm [50]; Trang Nghiêm luận trích yếu diễn âm [51]; Quy nguyên trực chỉ hành cước cầu sư diễn âm [56]; Mười pháp giới [65]; Niệm Phật nghi [69]. Tổng cộng có 5.760 chữ, gồm 718 câu thơ.

So sánh *Bồ thí công đức kinh diễn âm* giữa HN446-SP153 với AB.102, thấy từ nội dung đến nét chữ và khung đều giống nhau, cho thấy hai bản cùng được in ra từ một bộ ván khắc.

- Quyền thứ ba: Kinh Mục Liên (Mục Liên kinh diễn âm): Quyền này có 15 tờ (30 trang: từ trang 71 đến trang 100), trên gáy 14 tờ đầu khắc 5 chữ 目連經演音 (Mục Liên kinh diễn âm), gáy tờ thứ nhất có thêm chữ 序 (Tự), gáy tờ cuối khắc 4 chữ 淨土演音 (Tịnh Độ diễn âm). Cả 15 tờ được đánh số liên tục từ Nhất (1) đến Thập ngũ (15). Trong file ảnh bản HN446-SP153 không thấy tờ số 15, tờ này có đủ trong bản AB.97 lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nội dung gồm: Phật thuyết Mục Liên kinh tự diễn âm [71]; Phật thuyết Mục Liên cứu mẫu kinh diễn âm [73]; Mục Liên kinh dẫn diễn âm [97]; Phụ Tịnh Độ diễn âm [98]; Niệm Phật nghi [100]. Tổng cộng có 4.173 chữ, gồm 582 câu thơ.

So sánh *Mục Liên kinh diễn âm* giữa HN446-SP153 với AB.97, thấy cơ bản là tương đồng, nhưng có một số chữ khác nhau về hình dạng, có thể bản kinh này được khắc đến hai bộ ván, hoặc chỉ khắc thêm một số tấm ván.

- Quyển thứ tư: Kinh Di Đà (Di Đà kinh trích yếu diễn âm): Quyển này gồm phần chính và phần phụ: Phần chính có 8 tờ (16 trang: từ trang 101 đến trang 116), trên gáy mỗi tờ khắc 5 chữ 弥陀經演音 (Di Đà kinh diễn âm), đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Bát (8). Nội dung gồm: Đại Di Đà kinh chính văn trì niệm trích yếu diễn âm [101]; Thập chủng thắng lợi diễn âm [112]; Lâm chung chính niệm diễn âm [114]; Lâm chung niệm Phật thập thanh diệp đặc vãng sinh diễn âm [115]; Ấn tổng công đức diễn âm [116]. Tổng cộng có 2.212 chữ, gồm 310 câu thơ.

Đại Di Đà kinh tức *Đại A Di Đà kinh* là một trong các bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, do Tiên sĩ Vương Nhật Hưu (110?-1173) hội tập từ bốn bản kinh gốc.

So sánh *Di Đà kinh trích yếu diễn âm* giữa HN446-SP153 với AB.98 và NLVNPF-0148, thấy nội dung và nét chữ cơ bản là giống nhau, nhưng một số tờ có khung khác nhau và hình dạng chữ trong các tờ đó cũng hơi khác nhau, cho thấy có thể bản *Di Đà kinh trích yếu diễn âm* này có từ hai bộ ván in trở lên, hoặc chỉ có một số tấm ván được khắc thêm.

Ngoài ra, Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn lưu trữ một bản có tên *Pháp thí yếu lục* mang ký hiệu AB.450¹⁶, cũng gồm 8 tờ (16 trang). Gáy mỗi tờ, phía trên in bốn chữ 法施要錄 (Pháp thí yếu lục), phía dưới in số tờ từ Nhất (1) đến Bát (8). Cuối ghi 板藏在河內監門安宅闡法寺左近文廟 (Bản tàng tại Hà Nội, Giám môn An Trạch Xiển Pháp tự, tả cận Văn Miếu). Nghĩa là: Ván cất tại chùa Xiển Pháp, thôn An Trạch, cửa Giám, Hà Nội, bên trái gần Văn Miếu. Trong mỗi trang, bên trên là chữ Hán, bên dưới diễn âm bằng chữ Nôm, phần diễn âm có nội dung tương tự như bản *Di Đà kinh trích yếu diễn âm* này, nhưng có một số câu chữ khác nhau, và không in tiêu đề là *Đại Di Đà kinh chính văn trì niệm trích yếu diễn âm*, mà phần trên in tám chữ "Kinh huân trì niệm pháp ngôn trích yếu", bên dưới là sáu chữ "Trì niệm trích yếu diễn âm". Đến bài *Thập chủng thắng lợi diễn âm* thì nội dung giống nhau, nhưng phần cuối có thêm 14 câu thơ. Các bài *Lâm chung chính niệm diễn âm* *Lâm chung niệm Phật thập thanh diệp đặc vãng sinh diễn âm*, *Ấn tổng công đức diễn âm* đều có

¹⁶ AB.450: https://drive.google.com/file/d/19jHP3JRVv1ffnuNPOjEUawSDr8kYXm_/view?usp=drivesdk

nội dung giống nhau. Phần chữ Hán cuối bài *Kinh huân trì niệm pháp ngôn trích yếu* có Nghi thức niệm Phật mà *Đại Di Đà kinh chính văn trì niệm trích yếu diễn âm* không in. Xét từ nội dung đến cách trình bày thì đây là bản sơ khai của *Di Đà kinh trích yếu diễn âm*.

Phần phụ có 3 tờ (6 trang: từ trang 117 đến trang 122), trên gáy mỗi tờ khắc 7 chữ 造寺奉佛因緣引 (Tạo tự phụng Phật nhân duyên dẫn), đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Tam (3). Nội dung là: Làm chùa thờ Phật được phúc chịu tội nhân duyên dẫn [117]. Toàn bộ sách, mỗi trang đều khắc 10 hàng chữ, riêng phần này khắc 9 hàng. Tổng cộng có 711 chữ, gồm 100 câu thơ.

So sánh với bản AB.100, thấy từ nội dung đến khung và nét chữ đều giống nhau, cho thấy hai bản được in từ một bộ ván khắc.

Nhờ HN446-SP153 mà biết bài Làm chùa được xếp phụ sau Kinh Di Đà thuộc quyển thứ tư, tiêu đề này không ghi trong bài tựa *Chư kinh diễn âm dẫn*, nếu chỉ có tài liệu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm thì khó quyết định xếp AB.100 vào vị trí nào cho đúng, thường xếp cuối sách, hoặc không đưa vào bộ kinh.

- Quyển thứ năm: Kinh Ngũ Vương (Ngũ vương kinh diễn âm): Quyển này có 6 tờ (12 trang: từ trang 123 đến trang 134), trên gáy mỗi tờ khắc 5 chữ 五王經演音 (Ngũ vương kinh diễn âm), đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Lục (6). Nội dung gồm: Phật thuyết ngũ vương kinh diễn âm [123]; Khuyến tu kệ [133]; Đại Từ bồ tát phát nguyện toàn kệ [134]. Tổng cộng có 1.631 chữ, gồm 216 câu thơ.

So sánh *Ngũ vương kinh diễn âm* giữa HN446-SP153 với AB.103 và NLVNPF-0851, thấy từ nội dung đến nét chữ và khung đều giống nhau, cho thấy ba bản cùng được in ra từ một bộ ván khắc.

- Quyển thứ sáu: Kinh Xuất Gia (Xuất gia công đức kinh diễn âm): Quyển này có 7 tờ (14 trang: từ trang 135 đến trang 148), trên gáy mỗi tờ khắc 7 chữ 出家功德經演音 (Xuất gia công đức kinh diễn âm), đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Thất (7). Nội dung gồm: Xuất gia công đức kinh diễn âm [135]; Quảng ngạch thụ bát quan trai pháp diễn âm [143]; Nhị nhân thụ bát quan trai diễn âm [144]; Công quả diễn âm [146]; Trao giới pháp [147]; Vãng sinh thần chú [148]. Tổng cộng có 1.918 chữ, gồm 244 câu thơ.

So sánh *Xuất gia công đức kinh diễn âm* giữa HN446-SP153 với AB.104 và NLVNPF-0851, thấy từ nội dung đến nét chữ và khung đều giống nhau, cho thấy ba bản cùng được in ra từ một bộ ván khắc.

- Quyển thứ bảy: *Kinh Thập Lục Quán* (Thập lục quán kinh diễn âm): Quyển này gồm 25 tờ (50 trang: từ trang 149 đến trang 198). Phần trên gáy tờ thứ nhất (trang 149, 150) khắc 6 chữ 十六觀序演音 (Thập lục quán tự diễn âm). Phần trên gáy các tờ: thứ 2 (trang 151, 152), thứ 5 (trang 157, 158), thứ 7 (trang 161, 162), thứ 9 (trang 165, 166), thứ 21 (trang 189, 190) cùng khắc 6 chữ 十六觀經演音 (Thập lục quán kinh diễn âm). Phần trên gáy 19 tờ còn lại đều khắc 8 chữ 佛說十六觀經演音 (Phật thuyết thập lục quán kinh diễn âm), trang cuối (198) trắng. Phần dưới gáy cả 25 tờ được đánh số liên tục từ Nhất (1) đến Nhị thập ngũ (25). Đây là bản chuyên thể thơ Nôm từ *Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh* chữ Hán. Nội dung gồm: Thập lục quán kinh tự diễn âm [149]; Phật thuyết thập lục quán kinh diễn âm [151], có tên 16 pháp quán: Nhật tướng sơ quán diễn âm [158]; Quán thủy độ nhị diễn âm [158]; Quán địa độ tam diễn âm [160]; Quán thụ độ tứ diễn âm [161]; Độ ngũ quán thủy diễn âm [163]; Quốc độ quán độ lục diễn âm [165]; Độ thất quán diễn âm [165]; Quán Phật tượng độ bát diễn âm [169]; Quán Phật thân độ cửu diễn âm [171]; Quan Âm bồ tát độ thập diễn âm [174]; Đại Thế Chí bồ tát thập nhất quán diễn âm [177]; Quán tự thân văn sinh độ thập nhị diễn âm [180]; Tạng tướng thập tam diễn âm [180]; Độ thập tứ quán (Thượng phẩm thượng sinh diễn âm [182]; Thượng phẩm trung sinh diễn âm [184]; Thượng phẩm hạ sinh diễn âm [186]); Độ thập ngũ quán (Trung phẩm thượng sinh diễn âm [188]; Trung phẩm trung sinh diễn âm [189]; Trung phẩm hạ sinh diễn âm [190]); Độ thập lục quán (Hạ phẩm thượng sinh diễn âm [191]; Hạ phẩm trung sinh diễn âm [193]; Hạ phẩm hạ sinh diễn âm [195]). Tổng cộng có 6.676 chữ, gồm 922 câu thơ.

So sánh *Thập lục quán kinh diễn âm* giữa HN446-SP153 với AB.95, thấy từ nội dung đến nét chữ và khung đều giống nhau, cho thấy hai bản cùng được in ra từ một bộ ván khắc.

- Quyển thứ tám: *Tịnh Độ* (Tịnh Độ diễn âm): Theo ghi chép tại Tổng mục và xem thực tế trong nội dung sách, thì quyển này gồm hai phần chính và một phần phụ:

Phần chính 1: *Quy Nguyên Tịnh Độ* (Quy nguyên Tịnh Độ diễn âm): có 8 tờ (16 trang: từ trang 199 đến trang 214), trên gáy mỗi tờ khắc 6 chữ 歸元淨土演音 (Quy nguyên Tịnh Độ diễn âm), đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Bát (8). Nội dung gồm: Tịnh Độ tự

diễn âm [199]; Quy nguyên trực chỉ hành cước cầu sư diễn âm [200] (Mười pháp giới) [209] và Niệm Phật nghi [213]. Tổng cộng có 2.445 chữ, gồm 260 câu thơ.

So sánh *Quy nguyên Tịnh Độ diễn âm* trong quyển thứ tám giữa HN446-SP153 và AB.99, thấy từ nội dung đến nét chữ và khung đều giống nhau, cho thấy hai bản cùng được in ra từ một bộ ván khắc.

Quy nguyên trực chỉ hành cước cầu sư diễn âm là bài diễn thơ từ bài tựa chữ Hán có tên là *Hành cước cầu sư khai thị* (trên đường cầu thầy học đạo) trong bộ luận *Quy nguyên trực chỉ*, nên gọi là *Quy nguyên Tịnh Độ diễn âm*.

Trong đây, bài *Quy nguyên trực chỉ hành cước cầu sư diễn âm* và *Niệm Phật nghi* đã được in cuối *Bổ thí công đức kinh diễn âm*, về cách bài trí trang dòng và nội dung đều giống nhau, chỉ khác bốn chữ trong câu thơ thứ tư “Thấy anh xử sĩ bàng cư quyền đời” (trang 56) thay bằng “Thấy anh ở đáy đọc thư quyền đời” (trang 200), và khác nội dung dòng cuối *Niệm Phật nghi*: “Bồ Tát giới Tính Định diễn âm” (trang 70) thay bằng “Hòa nam Thánh Chúng” (trang 214). Nét chữ và nhan đề cũng như số thứ tự trên gáy mỗi tờ hoàn toàn không giống nhau. Sự trùng lặp về nội dung này cho thấy, hai quyển được khắc in trong thời gian khác nhau, không cùng một bộ ván in. Cộng thêm kiểu chữ không thống nhất trong toàn bộ cuốn sách càng thấy rõ, cuốn sách này được tập hợp từ những tập riêng lẻ, cũng có nghĩa là, khi xưa Thiền sư Tính Định không san khắc một lần thành bộ đủ tám quyển, mà Ngài diễn âm được phần nào thì cho khắc in luôn phần đó, sau khi đủ tám quyển mới viết một bài tựa vừa giới thiệu vừa sắp xếp thứ tự tám quyển. Đáng tiếc là Ngài đã viên tịch sớm, nếu còn sống thêm có thể sẽ cho khắc in tổng tập bộ kinh thống nhất thể chữ từ đầu đến cuối đóng trong một cuốn.

Phần chính 2: Long Thư Tịnh Độ (Long Thư Tịnh Độ diễn âm): có 6 tờ (12 trang: từ trang 215 đến trang 226), trên gáy mỗi tờ khắc 6 chữ 龍舒淨土演音 (Long thư Tịnh Độ diễn âm), đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Lục (6). Nội dung diễn thơ tám sự tích vãng sinh trong bộ luận Long thư Tịnh Độ văn, nên gọi là Long thư Tịnh Độ diễn âm. Thêm bài *Vô thượng diệu pháp tốc thành Bồ đề thập tướng diễn âm* ở cuối. Nội dung gồm: Tổng kinh Vương phu nhân diễn âm [215]; Tổng Quan Âm huyện quân diễn âm [217]; Tổng Phùng Thị Phu Nhân diễn âm [219]; Đường Phòng Chử diễn âm [221]; Đường Trường An Lý Tri Dao diễn âm [222]; Đường Thượng Đẳng Diêu Bà diễn âm [223]; Tổng Cối Kê Kim Thái

Công diễn âm [223]; Tổng Đàm Châu Hoàng Đa Thiết diễn âm [224]; Vô thượng diệu pháp tốc thành bồ đề thập tướng diễn âm [225]. Tổng cộng có 1.546 chữ, gồm 212 câu thơ, trong đó có 12 câu thơ bảy chữ, còn lại đều là thơ lục bát.

So sánh *Long Thư Tịnh Độ diễn âm* giữa HN446-SP153 và AB.94, thấy từ nội dung đến nét chữ và khung đều giống nhau, cho thấy hai bản cùng được in ra từ một bộ ván khắc.

Vì cả *Quy nguyên Tịnh Độ diễn âm* và *Long Thư Tịnh Độ diễn âm* cùng có bốn chữ cuối giống nhau, nên gọi chung là *Tịnh Độ diễn âm*.

Phần phụ: *Pháp thí yếu lục* gồm 3 tờ (6 trang: từ trang 227 đến trang 232), trên gáy mỗi tờ khắc 4 chữ 法施要錄 (Pháp thí yếu lục), đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Tam (3). Nội dung gồm 3 bài thơ Nôm: Bất tịnh vô thường quán giải âm [227]; Vô minh thích nghĩa diễn âm [228]; Chân không diệu kệ diễn âm [230]. Tổng cộng có 761 chữ, gồm 106 câu thơ.

So sánh *Pháp thí yếu lục* giữa HN446-SP153 và AB.95, thấy từ nội dung đến nét chữ và khung đều giống nhau, cho thấy hai bản cùng được in ra từ một bộ ván khắc.

Nếu chỉ có tài liệu của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, thì bảy quyển đầu có thể dựa vào bài tựa *Chư kinh diễn âm dẫn* để sắp xếp, nhưng đến quyển thứ tám thì không biết sắp xếp thế nào cho đúng. Nhờ có bản HN446-SP153 mà nội dung bộ sách được chính xác.

- Kinh nghiệm lương phương: Cuối sách in 13 bài thuốc kinh nghiệm và một bài mẹo chữa trẻ sơ sinh khóc đêm, có tiêu đề *Phụ gia bảo kinh nghiệm thần hiệu lương phương* [233], gồm 4 tờ (8 trang: từ trang 233 đến trang 240), trên gáy mỗi tờ khắc 4 chữ 經驗良方 (Kinh nghiệm lương phương), đánh số tờ liên tục từ Nhất (1) đến Tứ (4). So sánh *Kinh nghiệm lương phương* giữa HN446-SP153 với AB.98 và NLVNPF-0148, thấy từ nội dung đến nét chữ và khung đều giống nhau, cho thấy ba bản cùng được in ra từ một bộ ván khắc. Phần *Kinh nghiệm lương phương* có 1.038 chữ, toàn bộ là chữ Hán.

Như vậy, nếu không tính 230 câu trùng nhau trong bài *Quy nguyên trực chỉ hành cước cầu sư diễn âm*, thì toàn bộ *Chư kinh diễn âm* có 3.874 câu thơ Nôm. Tổng cộng bộ sách gồm 32.669 chữ.

Nội dung quyển thứ nhất đến quyển thứ bảy đều dịch từ các kinh do Phật Thích Ca thuyết giảng, trong đó *Kinh Di Đà*, *Kinh Nhân Quả*, *Kinh Bồ Thí* là những bản trích yếu, tức là chọn những phần quan trọng thiết yếu trong kinh Phật để dịch, còn các quyển *Kinh Mục Liên*, *Kinh Ngũ Vương*, *Kinh Xuất Gia*, *Kinh Thập Lục Quán* đều dịch đủ. Riêng quyển thứ

tám được chọn dịch từ bài tựa của Đại sư Tông Bản trong *Quy nguyên trực chỉ*, và các sự tích vãng sinh trong *Long Thư Tịnh Độ văn*,... Nên trong bài *Chư kinh diễn âm dẫn*, Thiền sư Tính Định nói đến tiêu đề bảy quyển đầu đều có chữ Kinh, riêng quyển cuối không gọi là Kinh mà chỉ viết là “Còn Tịnh Độ...”, khi hợp cùng bảy quyển trước gọi chung là *Chư kinh diễn âm*.

7. Tư tưởng Tịnh Độ của Thiền sư Tính Định qua *Chư kinh diễn âm*

Kinh Phật là kho tàng trí tuệ đồ sộ, gồm đủ kiến thức về mọi lĩnh vực. Ngoài việc giáo dục đạo làm người, khiến cho xã hội thanh bình, nhân dân an lạc, cuộc sống hiện tại của mỗi người càng thêm tốt đẹp, thì mục đích cao nhất của đạo Phật là chỉ dạy phương pháp tu học giúp cho mọi người được thoát khỏi sinh tử luân hồi khổ não, đạt đến cảnh giới Niết Bàn thường lạc ngã tịnh. Đức Phật Thích Ca chỉ dạy rất nhiều pháp môn tu tập, tùy theo hiểu biết và căn cơ, giúp chúng sinh hoàn toàn giải thoát. Trong những pháp môn Đức Phật chỉ dạy, pháp môn Tịnh Độ là dễ dàng tu tập nhất, tất cả mọi người, ai cũng đều tu tập được. Chính vì thế mà đa số các bậc tổ sư cổ đức từ xưa đến nay đều xiển dương pháp môn Tịnh Độ, Thiền sư Tính Định là một trong số các bậc cổ đức ấy.

Tư tưởng Tịnh Độ của Ngài được thể hiện ngay ở tên ngôi chùa do Ngài kiến tạo, chùa Xiển Pháp, nghĩa là “xiển dương giáo pháp”, tỏ rõ trong đôi câu đối Ngài dùng hai chữ “Xiển Pháp” làm chữ đầu hai vế, được treo trước ban Tam bảo:

闡淨土宗斯世易修還易證

法無上說信根難解且難行

Phiên âm:

Xiển Tịnh Độ tông, tư thể dị tu hoàn dị chứng;

Pháp Vô Thượng thuyết, tín căn nan giải thả nan hành.

Tạm dịch:

Xiển dương Tịnh Độ tông phong, đời này dễ tu còn dễ chứng;

Pháp môn Vô Thượng thuyết giảng, lòng tin khó hiểu lại khó hành.

Nghĩa là:

Truyền bá rộng rãi pháp môn Tịnh Độ, là pháp phù hợp với căn cơ thời nay, vừa dễ tu mà còn dễ thành công. Giảng nói pháp môn cao siêu, đều là những pháp dù có lòng tin cũng khó hiểu được, mà lại khó thực hành.

Chùa Xiển Pháp thờ bộ tượng Tây Phương Tam Thánh, Phật A Di Đà ở giữa, hai bên là Bồ tát Quán Thế Âm và Bồ tát Đại Thế Chí, biểu thị tông chỉ chuyên tu Tịnh Độ của Ngài.

Là bậc chân tu đạo hạnh, tinh thông kinh điển, là người tiên phong trong việc thành lập đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ, đồng với tư tưởng chư tổ sư tiền bối, Ngài đã chọn lọc những bộ kinh luận thiết yếu, diễn Nôm ra tiếng Việt thành bộ *Chư kinh diễn âm* để truyền bá xiển dương Tịnh Độ. Nghiên cứu *Chư kinh diễn âm*, ta thấy tư tưởng Tịnh Độ của Thiền sư Tính Định thấm đậm trong từng trang kinh, trong từng câu thơ. Nội dung mỗi quyển đều không ngoài việc dẫn dắt con người hiểu biết tin sâu nhân quả, sống với tâm thiện, tránh các việc ác, làm các việc lành, học đạo giải thoát, niệm Phật cầu vãng sinh Tây phương. Văn phong của Ngài giản dị, trong sáng, nghĩa lý cô đọng, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thấm vào lòng người, Phương pháp tu học dễ dàng, không câu nệ hình thức. Đối tượng mà Ngài hướng đến gồm đủ các căn cơ, bao gồm từ các bậc tăng ni xuất gia cho đến mọi tầng lớp nhân dân, từ già đến trẻ, không kể nghề nghiệp, không kể trình độ học vấn, người trí thức, kẻ bình dân, sang hèn giàu nghèo, nhàn rỗi, bận rộn, ai ai cũng thực hành tu tập được, thật sự mang lại lợi ích vô cùng lớn lao cho đời. Ngày nay, các đạo tràng Tịnh Độ hầu hết đều thực hành tu tập y như tông chỉ của Thiền sư Tính Định trong *Chư kinh diễn âm*.

Sau đây là 244 câu tinh hoa cốt yếu, được chọn ra từ 3.874 câu trong bộ *Chư kinh diễn âm*. Trong đó, 172 câu chọn lọc từ *Kinh Di Đà*, 32 câu chọn lọc từ *Kinh Nhân Quả*, và 40 câu chọn lọc từ các kinh luận còn lại, rồi sắp xếp thành một bài thơ có thứ lớp, hợp âm điệu, toát lên tư tưởng Tịnh Độ của Ngài. Đây là nội dung mang lại lợi ích thiết thực của bộ kinh, gọi là *Chư kinh diễn âm yếu lược*.

CHƯ KINH DIỄN ÂM YẾU LƯỢC

1. Nam Mô Phật Đại Di Đà¹⁷

¹⁷ Nam Mô: Là phiên âm từ tiếng Phạn, có nhiều nghĩa tùy theo văn cảnh, tâm niệm, đó là: kính lễ (cung kính lễ bái), quy kính (đem lòng kính ngưỡng hướng về), quy y (quay về nương tựa theo), quy mệnh (đem cả thân mạng gửi gắm), tín tòng (tín theo). Phật Đại Di Đà: tức “Phật A Di Đà”, “A Di Đà Phật”. Đây là phiên âm từ tiếng Phạn. “Phật” nghĩa là bậc giác ngộ (tỉnh thức). “A Di Đà” nghĩa là vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng công đức, nên Phật A Di Đà còn được gọi là Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Quang. Khi còn tu nhân, Ngài vì cứu độ chúng sinh khắp mười phương mà phát ra 48 lời thệ nguyện, kiến tạo nên thế giới Cực Lạc vô cùng thanh tịnh trang nghiêm. Ngài đã thành Phật làm giáo chủ cõi Cực Lạc, luôn cứu giúp tất cả chúng sinh. Trong *Quán kinh tứ thiếp số*, Đại sư Thiện Đạo dịch “Nam Mô A Di Đà Phật” ra Hán văn là “Quy Mệnh Vô Lượng Thọ Giác”.

Kinh rằng nước Phật đây là Tây Phương¹⁸

Đất sao đỏ ôi toàn vàng

Bốn bề bằng phẳng như làn bàn tay

5. Một bầu cảnh khí hây hây

Không nóng không rét, tháng ngày đều xuân

Đồ bông sợi, thức cam trần

Tưởng gì được ấy, mặc ăn sẵn sàng

San hô, mã não, ngọc, vàng

10. Bát nào ý muốn thường thường hiện ngay

Trăm vị ngon tốt đong đầy

Vị gì mặn lạt chua cay như lòng

Suy ra muôn vật mặc dùng

Vật nào là chẳng như lòng thích vui

15. Lại như thành khuyết đèn đài

Tầng trên la võng, làn ngoài cối cây

Lưu ly hồ phách đức xây

Bạc vàng châu báu đặt bày hư không

Trăm nghìn tiếng nhạc trập trùng

20. Không nhờ tay vỗ tự rung khúc hòa

Nước ao thất bảo chảy ra

Dòng nào dòng cũng đều là pháp âm

Vãng sinh¹⁹ ai được nghe xem

¹⁸ Tây Phương: Là từ nói tắt Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ, thường gọi là cõi Cực Lạc, cõi Tây Phương. Cực Lạc nghĩa là “Rất Vui”. Cõi này cách cõi Sa Bà nơi chúng ta đang sống về phía Tây mười vạn ức (10 tỷ) cõi Phật. Là thế giới vô cùng trang nghiêm thanh tịnh, mọi thứ được tạo thành từ thất bảo, mặt đất, cây, ao, hoa sen, lầu gác, thân thể tự phát ra ánh sáng, không có bóng tối, thuần thiện không có sự xấu ác, chúng sinh ở đó đều là bậc Thánh xuất thế gian, sống mãi không già, chỉ thuần vui, không buồn khổ. Những câu thơ tiếp theo miêu tả sự đẹp đẽ, tráng lệ, trang nghiêm, thanh tịnh và sự an vui ở thế giới Cực Lạc.

¹⁹ Vãng sinh: Cũng đọc là “vãng sanh”. Người sống là do Thần thức hòa hợp cùng thể xác, khi thể xác bị hoại diệt thì Thần thức rời khỏi, lúc đó gọi là “tử” (chết). Sau khi chết, Thần thức sẽ tiếp tục hòa vào thân mới, lúc đó gọi là “sinh” (tái sinh). Người bình thường không niệm Phật sẽ theo nghiệp thiện hoặc nghiệp ác do mình đã tạo ra mà tái sinh đến một trong sáu nẻo luân hồi (Lục đạo), để rồi lại chết rồi sinh, cứ luân chuyển mãi, gọi là “sinh tử” hoặc “luân hồi”. (“sinh tử” thường dịch là “sống chết”, “luân hồi” thường dịch là “vòng quanh”). Người tin nguyên niệm Phật sẽ nương theo câu danh hiệu A Di Đà Phật mà được nhờ thần lực của Đức Phật A Di Đà (Phật lực) đưa về Cực Lạc, gọi là “vãng sinh”, Thần thức được gửi vào trong hoa sen, sau sẽ hóa sinh ra thành bậc Thánh ở đó, chấm dứt “sinh tử luân hồi”, sống mãi đến khi thành Phật. Việc vãng sinh chỉ xảy ra sau khi chết, nhưng việc niệm Phật tu trì để được vãng sinh là từ khi đang sống.

Tự nhiên liễu ngộ chúng làm phẩm cao

25. Giống chim tạp sắc cũng nhiều

Chim công, chim hạc, cánh mào tốt xinh

Xương hòa anh vũ bách thanh

Chim hai đầu mọc chung mình một thân

Sớm khuya ra tiếng họa vằn

30. Tám phần Thánh Đạo, bảy phần Bồ Đề²⁰

Trong ao sen mọc tốt ghê

Hoa to như thể bánh xe rõ ràng

Sắc xanh, sắc đỏ, sắc vàng

Sắc nào đáng ấy, hào quang sáng lò

35. Thơm tho sạch sẽ dị kỳ

Nước trong leo lẻo khác gì thủy tinh

Ai khi tắm rửa thân hình

Đầy voi ẩm mát tùy mình thích ưa

Tắm rồi thân thể khoan thư

40. Bao nhiêu tình lự diệt trừ sạch không

Hoa sen²¹ ngồi chễm giữa lòng

Gió đưa hơi nhẹ, nhạc đong khúc hòa

Vui cùng Bồ Tát mọi tòa

Cùng Thanh Văn chúng sắp ra Phật tiền

²⁰ Tám phần Thánh Đạo: Bát Chính Đạo, là tám con đường tu hành đến giải thoát giác ngộ. Hành pháp thuộc nhóm thứ 7 trong 37 đạo phẩm, gồm: 1/ Chính Kiến: Thấy biết đúng đắn; 2/ Chính Tư Duy: Suy nghĩ đúng đắn; 3/ Chính Ngữ: Nói đúng; 4/ Chính Nghiệp: Hành động đúng đắn; 5/ Chính Mệnh: Sinh sống đúng đắn; 6/ Chính Tinh Tiến: Siêng năng đúng đắn; 7. Chính Niệm: Nhớ nghĩ đúng đắn. 8/ Chính Định: Tập trung tư tưởng đúng đắn.

Bảy phần Bồ Đề: Thất Bồ Đề Phận, hay Thất Giác, Thất Giác Chi (bảy phần tỉnh thức). Hành pháp thuộc nhóm thứ 6 trong 37 đạo phẩm. Giác nghĩa là trí tuệ Bồ Đề, vì bảy pháp này có công năng giúp cho trí tuệ Bồ Đề khai triển, nên gọi là Giác Chi. Thất Giác Chi gồm: 1/ Niệm Giác Chi: Trong tâm sáng suốt, luôn nghĩ đến thiền định và trí tuệ. 2/ Trạch Pháp Giác Chi: Nhờ vào năng lực trí tuệ, lựa chọn pháp chân chính, gạt bỏ pháp hư dối. 3/ Tinh Tiến Giác Chi: Đối với việc tu hành pháp chân chính, gắng sức, không biếng nhác. 4/ Hỷ Giác Chi: Được pháp chân chính, tâm sinh vui mừng. 5/ Khinh An Giác Chi: Chỉ cho trạng thái thân tâm an ổn, khoan khoái, nhẹ nhàng. 6/ Định Giác Chi: Vào thiền định mà tâm không tán loạn. 7/ Xả Giác Chi: Tâm không nghiêng lệch, không chấp trước, luôn ở trong trạng thái cân bằng, không thái quá, không bất cập.

²¹ Hoa sen: Âm Hán là “liên hoa”, thế giới Tây Phương Cực Lạc có vô số hoa sen nhiều màu sắc phát sáng, được chia thành chín phẩm cấp, là chỗ chúng sinh khắp mười phương vãng sinh về. Hễ ai phát tâm niệm Phật cầu vãng sinh, thì trong ao thất bảo ở cõi Cực Lạc liền mọc ra một đóa hoa sen, tu càng chăm chỉ thì hoa sen càng tươi tốt to lớn, phẩm vị càng cao. Sau khi chết, Thần thức vãng sinh về đó, thác vào trong hoa sen ấy, cho đến khi hoa nở sẽ hóa sinh ra thành bậc Thánh là Bồ Tát hoặc Thanh Văn, tự nhiên khôn lớn, tươi đẹp như Phật, có đủ thần thông đạo lực, tu học một kiếp ở đó, tiền thân tới khi thành Phật.

45. Pháp vãng nghe ký thụ truyền
Chúng thành Phật quả, vui miền Rất Vui

Trong kinh Phật lại có lời
Ai siêng niệm Phật,²² sau rồi vãng sinh
Trên ao thất bảo đất lành

50. Trong hoa sen tự hóa sinh nên người

Tự nhiên cả lớn rộng dài
Không nhờ bú mớm sức người mà nên
Ăn thời đồ thức tự nhiên

Hình dung đẹp tốt, thần tiên ví nào

55. Thanh hư thân bảm rất cao
Tuổi là tuổi Phật sống lâu vô kỳ
Sáng thiêng thông tỏ mọi bề
Ai hơi nói nghĩ, mình thì biết ngay

Phật xưa lời đã tỏ bày

60. Vãng sinh nước Phật, bậc này có ba

Thượng là khổ hạnh xuất gia
Tri kinh, thủ giới, Di Đà niệm siêng²³
Khi sau Phật với Thánh Hiền
Đưa về từ nọ hoa sen nảy ngời

65. Ngồi là Bồ Tát không lui
Cung điện thất bảo ở vời hư không
Tại gia bậc ấy là trung
Lòng Bồ Đề nọ, việc công đức này

²² Niệm Phật: Trong tâm nhớ nghĩ, ngoài miệng cất tiếng, niệm câu hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật” hoặc “A Di Đà Phật”. Khi Đức Phật A Di Đà còn tu nhân, hiệu là Tỷ khiêu Pháp Tạng, Ngài vì thương xót chúng sinh chìm đắm mãi trong sinh tử luân hồi khổ não, mà phát 48 lời thệ nguyện cứu độ chúng sinh, trong đó nguyện thứ 18 rằng: “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, dốc lòng tin ưa, muốn sinh nước tôi, cho đến mười niệm, nếu chẳng vãng sinh, thì tôi chẳng trụ ở ngôi Chính Giác. Trừ kẻ ngũ nghịch, phi báng Chính Pháp”. Thế nên hễ ai phát tâm hướng thiện, tin tưởng, nguyện ước về cõi Cực Lạc, chăm niệm câu “A Di Đà Phật” cho thuần thực, cho thuộc lòng, đến lúc lâm mệnh chung niệm được mười niệm, thậm chí một niệm cũng được vãng sinh. Danh hiệu A Di Đà Phật có công năng phổ độ chúng sinh, nên được xưng dương là “vạn đức hồng danh”, thường gọi là “hồng danh” hoặc “Phật hiệu”. Trong tâm luôn nhớ được Phật hiệu gọi là giữ được “chính niệm”, lại không có tạp niệm xen vào gọi là “tịnh niệm”. Pháp niệm Phật A Di Đà được gọi là Pháp môn Tịnh Độ hoặc Pháp môn Tây Phương, thường gọi là Pháp môn Niệm Phật.

²³ Thượng là khổ hạnh xuất gia, Tri kinh, thủ giới, Di Đà niệm siêng: Bậc cao nhất là người xuất gia kham khổ tu hành, hằng ngày trì tụng kinh điển, giữ gìn giới hạnh tinh nghiêm, siêng năng niệm Phật.

Nghe kinh, trì giới²⁴, ăn chay

70. Đốt đèn, treo phướn, thí tài, trai tăng

Đêm ngày niệm Phật siêng năng

Đem lòng hồi hướng, mong chừng vãng sinh

Mệnh chung²⁵ Phật đến rước mình

Liên hoa cũng được hóa sinh rõ ràng

75. Hạ là bậc dưới người thường

Ngày mười câu niệm nguyện đường vãng sinh

Sau rồi Phật cũng tiếp nghinh

Hoa sen thác hóa, đất lành hợp vui²⁶

Cung lâu liền đất thấp vơi

80. Là vì đức tuệ kém người bậc trung

Lời kinh Phật chẳng nói không

Cõi người rất khổ²⁷ là vòng trần gian

Người mà quý hiển giàu sang

Một câu đắc thất, đôi đàng lo toan

85. Người mà hèn hạ cơ hàn

Ngày thường thiếu thôn, phàn nàn dạ riêng

Ác quen danh lợi quàng xiên

Ác thời ác báo ứng liền không lâu

²⁴ Trì giới: Thụ trì Ngũ giới, người tại gia giữ gìn không phạm năm điều răn cấm: 1/Sát sinh (giết hại sinh mạng người, động vật, côn trùng), 2/Thâu đạo (trộm cướp), 3/Tà dâm (quan hệ bất chính ngoài vợ chồng), 4/Vọng ngữ (nói xằng, nói dối) 5.Ám tửu (uống rượu và sử dụng các chất gây nghiện).

²⁵ Mệnh chung: Mạng hết, lúc Thần thức thoát ra khỏi thể xác (chết).

²⁶ Hạ là bậc dưới người thường, Ngày mười câu niệm nguyện đường vãng sinh, Sau rồi Phật cũng tiếp nghinh, Hoa sen thác hóa, đất lành hợp vui: Người khổ hạnh xuất gia tu hành là bậc tu cao nhất. Kế tiếp là người tuy không xuất gia, nhưng ăn chay, giữ giới, làm các việc công đức, siêng năng niệm Phật thuộc bậc trung. Còn người bận rộn, không có thời gian đọc tụng kinh điển, không làm được các việc công đức, v.v... chỉ cần hằng ngày niệm Phật mười câu thì đến khi mệnh chung vẫn được Phật tiếp dẫn vãng sinh về Cực Lạc, thuộc bậc thấp nhất. Tuy đều được vãng sinh, nhưng phẩm vị khác nhau xa, phẩm vị càng cao thì càng nhanh thành Phật.

²⁷ Cõi người rất khổ: Khổ là sự thật mà ai cũng phải chịu đựng, mỗi người khổ mỗi cách khác nhau, dù người cao sang quyền quý cũng không thoát khỏi. Tuy có trăm nghìn sự khổ, nhưng tóm lại như sau: già, bệnh, chết là ba thứ khổ về thân; tham (tham lam), sân (nóng giận), si (mê muội) là ba thứ khổ về tâm; Địa ngục, Ngã quỷ, Súc sinh là ba thứ khổ về kiếp sau. Sống trên trần gian dù phải chịu nỗi thống khổ tột cùng, nhưng so với nỗi khổ ở địa ngục cũng không bằng một phần muôn vạn. Thân kiếp này tuy không thể tránh được nỗi khổ già, bệnh, chết bủa vây, nhưng có thể tu tâm để tránh nỗi khổ tham, sân, si bức bách. Lại phát tâm Bồ Đề, niệm Phật cầu vãng sinh Tây Phương để kiếp sau thoát khỏi luân hồi, không còn nỗi khổ Địa ngục, Ngã quỷ, Súc sinh. Khổ là một trong bốn sự thật (Tứ Đế): Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà Đức Phật Thích Ca thuyết giảng.

Vận chung²⁸ khi đến thế nào
 90. Ba đường ác đạo²⁹ đọa vào coi ghê
 Một là Địa ngục âm ty
 Hai là Ngã quỷ, ba thì Súc sinh
 Đường kia kiếp nọ vòng quanh
 Trải nghìn muôn kiếp mới sinh kiếp này³⁰
 95. Thân người những hồi ngu ngậy
 Không tu sao được sau này về vãng³¹
 Pháp tu pháp cũng dễ dàng³²
 Ngày ngày khi sớm tảng tang dậy ngồi³³
 Chắp tay Tây hướng lạy rồi³⁴
 100. “A Di Đà Phật” một lời niệm lên³⁵

²⁸ Vận chung: Lúc chết.

²⁹ Ba đường ác đạo: Chúng sinh luân hồi hết kiếp này sang kiếp khác, quanh quẩn mãi trong Lục đạo, gồm ba đường thiện đạo là Trời, Người, A tu la, và ba đường ác đạo là Địa ngục, Ngã quỷ, Súc sinh.

³⁰ Đường kia kiếp nọ vòng quanh, Trải nghìn muôn kiếp mới sinh kiếp này: *Đường* là nói đến sáu cõi luân hồi, *kiếp* là các kiếp sống mà Thân thức trải qua, *vòng quanh* tức là luân hồi. Mỗi người, ai cũng đã từng trải qua vô vàn kiếp sống, lúc thì làm thần tiên trên cõi Trời, lúc thì mang thân loài vật trong cõi Súc sinh, lúc thì làm ma quỷ trong cõi Ngã quỷ Địa ngục,... luân hồi trải qua bao nhiêu kiếp, nhờ thiện nghiệp kiếp trước mới được sinh làm người ở kiếp này.

³¹ Thân người những hồi ngu ngậy, Không tu sao được sau này về vãng: Trong kinh nói: “Được thân người là khó, gặp Phật pháp là khó, nghe được Chính pháp càng khó hơn”. Nay ta đã được làm thân người, lại gặp được Phật pháp, được nghe Chính pháp, chỉ cần hiểu và tin lời kinh mà thực hành tu tâm niệm Phật, sẽ được giải thoát sinh tử luân hồi khổ não, được về vãng an vui Niết Bàn. Nếu cứ ngu ngậy, không chịu tin, không chịu tu thì mãi chìm đắm trong bể khổ sông mê.

³² Pháp tu pháp cũng dễ dàng: Pháp môn niệm Phật là pháp vừa đơn giản dễ tu, ai cũng tu được, vừa chắc chắn thành tựu giải thoát, không như các pháp tu Thiền, tu Mật, v.v... vừa khó tu vừa khó thành tựu, phải là bậc có căn cơ cao mới kham nổi, mà kết quả thì chưa chắc đã thoát khỏi sinh tử luân hồi.

³³ Ngày ngày khi sớm tảng tang dậy ngồi: Hằng ngày sáng sớm thức dậy, vệ sinh sạch sẽ, chuẩn bị thời khóa niệm Phật.

³⁴ Chắp tay Tây hướng lạy rồi: Chắp tay hướng về phía Tây lễ bái. Hoặc trước ban thờ, trước ảnh tượng Phật, dâng một ly nước tinh khiết, thắp đèn nến, thắp hương lễ bái đều được. Phía Tây chỉ mang ý nghĩa tâm hướng về Tây Phương, chứ trên phương diện địa lý thì thế giới Cực Lạc nằm về phía Tây là so với toàn thể giới Sa Bà. Trái Đất ta đang sống chỉ là một nơi rất nhỏ bé trong thế giới Sa Bà, lại luôn xoay chuyển, nên khi đứng trên Trái Đất không thể xác định được phương vị thế giới Cực Lạc.

³⁵ “A Di Đà Phật” một lời niệm lên: Tâm khởi lên danh hiệu “A Di Đà Phật”, miệng cất lên tiếng niệm “A Di Đà Phật”. Theo bài Niệm Phật Nghi được in cuối *Quy Nguyên Tịnh Độ Diển Âm* thì trước tiên tụng bài kệ tán Phật, âm Hán Việt: “A Di Đà Phật thân kim sắc, Tướng hảo quang minh vô đẳng luân. Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, Hám mục trùng thanh tứ đại hải. Quang trung Hóa Phật vô số ức, Hóa Bồ Tát chúng diệp vô biên. Từ thập bát nguyện độ chúng sinh, Cứu phẩm hàm linh đẳng bi nan”. Hoặc tụng nghĩa Việt: “Phật Di Đà mình vàng lấp lánh, tướng tốt thay trong sáng khôn bì. Mi trắng toả Tu Di năm núi, mắt như bốn biển lớn trong xanh. Hào quang hóa Phật hình vô ức, hoá Bồ Tát cũng thật vô biên. Bốn tám nguyện khắp miền độ chúng, chín phẩm hàm linh chứng Bồ Đề”. Rồi niệm ba câu “Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật”, xong niệm sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” từ trăm câu trở lên, sau đó chuyển sang niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”, hoặc niệm suốt sáu chữ tùy ý.

Lần tràng niệm một vài nghìn³⁶
Ba câu Bồ Tát niệm liền ba hơi³⁷
Một văn phát nguyện bạch rồi³⁸
Vãng Sinh chú lại tụng lời vài trăm³⁹
105. Tụng rồi đứng dậy chăm chăm

³⁶ Lần tràng niệm một vài nghìn: Cứ niệm suốt câu “A Di Đà Phật”, vừa lần tràng hạt vừa niệm, niệm từ một nghìn đến vài nghìn câu, hoặc quy định thời gian khoảng từ 15 phút đến 60 phút, hoặc lâu hơn, tùy theo công việc nhàn rỗi hay bận rộn của mỗi người. Có thể lần tràng hạt hoặc ngồi tĩnh tọa không cần lần tràng hạt, quan trọng là dốc lòng thành kính, để tâm chú ý vào câu danh hiệu Phật, không nghĩ ngợi lung tung, niệm to tiếng, niệm khe khẽ, niệm kim cương (niệm động môi lưỡi), hoặc mặc niệm (niệm thầm trong tâm) đều được, niệm nhanh hoặc chậm đều phải rõ ràng rành mạch từng câu từng tiếng, miệng niệm, tai nghe, tâm tưởng nhớ, niệm cho rõ, nghe cho rõ, nhớ cho rõ. Niệm sáu chữ hoặc niệm bốn chữ đều được. “Nam Mô” là động từ, bày tỏ kính lễ, quy mệnh, “A Di Đà” là danh từ riêng, “Phật” là danh từ chung. Nếu chỉ niệm ba chữ A Di Đà thì không cung kính, giống như người dưới gọi thẳng tên bậc trưởng bối, nếu thêm từ “thầy” hoặc “ông”, ... thì đủ sự kính trọng khi xưng hô. Vậy nên, niệm bốn chữ “A Di Đà Phật” cũng đủ sự cung kính với danh hiệu của Ngài. Trong kinh dạy rất rõ “chấp trì danh hiệu”, danh hiệu chính là bốn chữ “A Di Đà Phật”. Niệm bốn chữ đơn giản dễ niệm, cũng chính là để đến lúc lâm chung, khi thần trí mịt mờ còn dễ nhớ mà niệm được. Cách niệm bốn chữ đã từng được các bậc thầy tổ từ xưa đến nay chỉ dạy, từng thực hành khi trợ niệm cho người lâm chung được vãng sinh.

³⁷ Ba câu Bồ Tát niệm liền ba hơi: Khi ngừng niệm Thánh hiệu “A Di Đà Phật”, quỳ lạy một lạy rồi chuyển sang niệm ba Thánh hiệu Bồ Tát, mỗi Thánh hiệu niệm một hơi mười câu, hoặc niệm ba lần, xong lạy một lạy theo thứ tự sau:

- Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.
- Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.
- Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

Hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm (cũng đọc là Quan Thế Âm) và Bồ Tát Đại Thế Chí là đệ tử hầu cận bên Đức Phật A Di Đà, Quán Âm bên tay trái, Thế Chí bên tay phải. Ba thầy trò được xưng là Tây Phương Tam Thánh (Tam Tôn). Người niệm Phật lúc lâm chung, hai vị Bồ Tát này cùng với Đức Phật A Di Đà đồng thời đến tiếp dẫn về Tây Phương.

Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát là tất cả những vị Thánh chúng Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc đều rất thanh tịnh. Ba chữ Đại Hải Chúng ngụ ý các vị Bồ Tát ấy nhiều như nước biển.

³⁸ Một văn phát nguyện bạch rồi: Tụng bài Đại Từ Bồ Tát Phát Nguyện Toàn Kệ, âm Hán: “Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất. Cứu phẩm độ chúng sinh, Uy đức vô cùng cực. Ngã kim đại quy y, Sám hối tam nghiệp tội. Phàm hữu chư phúc thiện, Chí tâm dụng hồi hướng. Nguyên đồng niệm Phật nhân, Cầm ứng tùy thời hiện. Lâm chung Tây Phương cảnh, Phán minh tại mục tiền. Kiến văn giai tinh tiến, Cộng sinh Cực Lạc quốc. Kiến Phật liễu sinh tử, Như Phật độ nhất thiết”. Hoặc tụng nghĩa tiếng Việt: “Mười phương ba đời Phật, A Di Đà bậc nhất. Chín phẩm độ chúng sinh, Uy đức không cùng tận. Con nay đại quy y, Sám hối tội ba nghiệp. Có bao nhiêu phúc lành, Dốc lòng đem hồi hướng. Nguyên cùng người niệm Phật, Cầm ứng hiện tùy thời. Lâm chung cảnh Tây Phương, Hiện rõ ràng trước mắt. Thấy nghe đều tinh tiến, Đều sinh về Cực Lạc. Thấy Phật thoát sinh tử, Như Phật độ tất cả”. Bài này vốn được in trong *Long Thư Tịnh Độ Văn*, có tên đầy đủ là Đại Từ Bồ Tát Tán Phật Sám Hối Hồi Hướng Phát Nguyện Toàn Kệ. Khi trích riêng bốn câu “Nguyên đồng niệm Phật nhân, Cộng sinh Cực Lạc quốc. Kiến Phật liễu sinh tử, Như Phật độ nhất thiết” (Nguyên cùng người niệm Phật, Đều sinh về Cực Lạc. Thấy Phật thoát sinh tử, Như Phật độ tất cả.) thì gọi là Đại Từ Bồ Tát Phát Nguyện Kệ.

³⁹ Vãng Sinh chú lại tụng lời vài trăm: Tiếp theo niệm chú Vãng Sinh: “Năng Mò A Di Đà Bà Dạ, đá tha già đá dạ, đá địa dạ tha, A di lị đô bà tỳ, A di lị đá, tất đam bà tỳ, A di lị đá, tỳ ca lan đế, A di lị đá, tỳ ca lan đá, già di nhị, già già na, chỉ đá ca lệ, sa bà ha”. Câu đầu bài chú là danh hiệu Phật A Di Đà: Năng Mò A Di Đà Bà Dạ chính là Nam Mô A Di Đà Phật (Năng Mò là Nam Mô, A Di Đà là A Di Đà, Bà Dạ là Phật Đà tức là Phật; do các dịch giả dùng chữ Hán khác nhau để phiên âm tiếng Phạn, nên khi đọc sang âm Hán Việt tuy có những âm không giống nhau mà ý nghĩa vẫn như nhau). Những câu tiếp theo bài chú là lời tán dương công đức của Phật A Di Đà. Chung quy vẫn là niệm Phật. Niệm Phật và niệm chú Vãng Sinh công đức như nhau, nhưng niệm Phật thì dễ nhớ dễ niệm, nên chư tổ đặc biệt chú trọng niệm “A Di Đà Phật”, đặc biệt là để đến lúc lâm chung dễ dàng giữ được chính niệm. Hiện nay trong các thời khóa niệm Phật, nếu có niệm chú Vãng Sinh thì thường niệm ba biến, trong bài Niệm Phật Nghi do Thiền sư Tịnh Định soạn phụ cuối Đại Tạng Kinh Mục Lục cũng ghi niệm chú Vãng Sinh ba biến, nên ta có thể niệm từ ba biến đến vài trăm biến, tùy theo điều kiện công việc và sở thích của mỗi người, chú trọng niệm Phật là chính, niệm chú là phụ trợ. Trong thời khóa tụng kinh niệm Phật thì sau khi tụng kinh xong sẽ tụng luôn ba biến chú Vãng Sinh, rồi chuyển tiếp sang nghi thức niệm Phật.

Tam Quy tam khẩu, Hòa Nam tạ lui⁴⁰

Trộn ngày khi đứng khi ngồi

Một câu niệm Phật nhớ lời chớ quên⁴¹

Buổi hôm lại niệm vài nghìn⁴²

110. Một lòng tín hướng, Phật liền chứng cho⁴³

Trẻ già ai cũng nên tu

Đường danh nẻo lợi bo bo ra gì

Ai dù công việc bận bịu

Vừa làm vừa niệm, mất gì việc ta

⁴⁰ Tụng rồi đứng dậy chăm chăm, Tam Quy tam khẩu, Hòa Nam tạ lui: Tiếp theo, đứng dậy chắp tay, tụng ba câu Tụ Quy, tụng xong mỗi câu dập đầu sát đất lạy một lạy (khẩu).

Tụng âm Hán Việt như sau:

-Tụ quy y Phật, đương nguyện chúng sinh thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.

-Tụ quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải.

-Tụ quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh thông lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

Hoặc tụng nghĩa Việt:

-Con quy Phật rồi, nguyện cho chúng sinh thấu hiểu đạo lớn, phát tâm vô thượng.

-Con quy Pháp rồi, nguyện cho chúng sinh thông thuộc kinh tạng, trí tuệ như biển.

-Con quy Tăng rồi, nguyện cho chúng sinh hòa hợp đại chúng, hết thấy không ngại.

Tụng xong, xướng:

-Hòa Nam Thánh Chúng.

Nghĩa là “lạy các bậc Thánh”, “lạy chư Thánh Hiền”, vừa xướng lên đồng thời dập đầu lạy tạ ba lạy rồi lui ra. Vậy là xong một thời khóa tu buổi sáng.

⁴¹ Trộn ngày khi đứng khi ngồi, Một câu niệm Phật nhớ lời chớ quên: Ngoài ra, suốt ngày, trong tất cả mọi lúc, ở mọi nơi, trong mọi oai nghi đi đứng nằm ngồi, dù đang làm bất cứ việc gì, ăn cơm, mặc áo, lao động, thể thao, v.v..., chỉ cần trong khi không giao tiếp với người khác, không dùng đầu óc tính toán, đều luôn nhớ niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”, niệm to, niệm nhỏ hay niệm thầm đều được, lúc đang nằm hoặc ở nơi không sạch sẽ thì niệm thầm để tránh mất đi sự cung kính, nhưng lúc có việc khẩn cấp, dù đang ở bất cứ đâu đều niệm lớn tiếng.

⁴² Buổi hôm lại niệm vài nghìn: Thời khóa buổi tối thực hành giống như thời khóa buổi sáng. Từ cũ: “hôm” là buổi tối, “mai” là lúc sáng sớm.

⁴³ Một lòng tín hướng, Phật liền chứng cho: Cốt sao, từ đây cho đến lúc chết, một lòng tín nguyện, thực hành niệm Phật, mong cầu vãng sinh Tây Phương không thay đổi. Ba tư lương “tín-nguyện-hành” đầy đủ thì chắc chắn đến lúc mệnh chung Đức Phật A Di Đà sẽ tới đón, đó là yếu quyết vãng sinh. Người vãng sinh từ xưa đến nay nhiều vô kể, được các bậc đạo cao đức trọng ghi chép thành sách lưu truyền. Ngày nay các gương tiêu biểu như Hòa thượng Hải Khánh vãng sinh năm 1991, Hòa thượng Hải Hiền vãng sinh năm 2013, các Ngài đều không biết chữ, cả đời chỉ giữ tâm lành niệm câu “A Di Đà Phật” mà sau khi vãng sinh, lưu lại nhục thân xá lợi, thân xác còn nguyên với tư thế ngồi kết già trong môi trường tự nhiên, hiện đang thờ tại chùa Lai Phật, tỉnh Hà Nam, Trung Hoa; Hòa thượng Thích Minh Đức ở nước ta vãng sinh năm 1985, lưu lại nhục thân xá lợi trong tư thế nằm, hiện thờ tại tháp Long Bửu; Đại sư Ân Quang vãng sinh năm 1940, Lão cư sĩ Lý Bình Nam vãng sinh năm 1986, mỗi Ngài vãng sinh lưu lại hàng nghìn viên xá lợi ngũ sắc; Hòa thượng Thích Quảng Đức lưu lại trái tim xá lợi năm 1963; Hòa thượng Thích Thiền Tâm lưu lại răng xá lợi năm 1992; Hòa thượng Thích Giác Khang thuộc Hệ phái Khất Sĩ tu Tịnh Độ, vãng sinh năm 2013 lưu lại rất nhiều xá lợi; v.v... Từ xưa đến nay còn biết bao nhiêu người biết trước ngày giờ vãng sinh, đứng vãng sinh, ngồi vãng sinh; người vãng sinh lưu lại tướng lành, sau khi tắt thở mười mấy tiếng, thân thể lạnh giá mà vẫn mềm mại tươi nhuận thì quá nhiều, khác thường với quy luật tự nhiên, chết sau khi lạnh thì thân cứng đờ. Trong số những người được vãng sinh có đủ mọi tầng lớp, xuất gia, tại gia; có rất nhiều người dân thường, ông già bà lão chẳng có trình độ, chẳng biết Giáo là gì, Thiền là gì, Mật là gì, chỉ thật thà niệm Phật, mà khế hợp với nguyện lực của Phật được vãng sinh. Phật pháp nhiệm mầu không thể nghĩ bàn, không thể dùng trí tuệ phàm phu, lý luận khoa học để giải thích được. Niệm Phật đã chẳng khó khăn, chẳng tốn kém, mà ngay hiện tại khiến cho loài người càng thêm hiền hậu lương thiện, thân tâm an vui. Hễ ai thật thà một lòng thành kính tin tưởng thì tự nhiên được lợi ích không thể nghĩ bàn. gieo “nhân” niệm Phật sẽ nở “hoa” vãng sinh và kết “quả” thành Phật.

115. Ngày mười câu niệm⁴⁴ cũng là
Nhiều thì bằng bữa uống trà mà thôi
Cứ gì ra của phí tài

Tín tâm niệm Phật mấy lời là tu⁴⁵

Cứ gì đi hội đến chùa

120. Ở nhà niệm Phật là tu đó rồi⁴⁶

Kìa ai tiền của đua vui

Lòng không tín niệm, của thôi ra gì⁴⁷

Kìa ai hề hội nức đi

Về rồi khuây lẳng, đi thì luống công⁴⁸

125. Sao bằng lăm niệm tín lòng

Thí tài, siêng lay càng công quả nhiều⁴⁹

Làm người nên sớm nghĩ sâu

Thân này đã vậy, thân sau thế nào

⁴⁴ Ngày mười câu niệm: Pháp “Thập Niệm”, pháp này ban đầu Từ Vân Sát Chủ Tuân Thức (964-1032) vì người quá bận rộn không có thời gian thực hành thời khóa, Ngải căn cứ vào lời nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà “Thập Niệm Tất Sinh Nguyên” (nguyện mười niệm tất vãng sinh): “...cho đến mười niệm, nếu chẳng vãng sinh, thì tôi chẳng trụ ở ngôi Chính Giác...” mà phát minh ra pháp Thập niệm, dạy mỗi sáng sớm niệm Phật mười hơi. Khoảng hơn trăm năm sau, Cư sĩ Vương Nhật Hưu (110?-1173) dạy dễ hơn nữa, mỗi sáng chỉ cần chấp tay lễ về phía Tây niệm mười câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, rồi đọc bài kệ phát nguyện của Bồ Tát Đại Từ toàn bài, hoặc đọc bốn câu “Nguyện cùng người niệm Phật, đều sinh về Cực Lạc, thấy Phật thoát sinh tử, như Phật độ tất cả”, để bày tỏ tấm lòng quy y với Phật. Tu trì suốt đời không thay đổi thì chắc chắn vãng sinh, có điều chỉ được vãng sinh phẩm thấp, nhưng dù được vãng sinh về phẩm thấp nhất cũng đã thoát khỏi sinh tử luân hồi. Trong *kinh Thập Lục Quán* nói, cho dù người trong đời chót tạo nhiều nghiệp ác, nhưng đến lúc lâm chung, nhờ căn lành kiếp trước, gặp thiện tri thức dạy niệm Phật, người ác đó tin theo dốc lòng niệm được mười câu, nghiệp ác tiêu trừ, liền được vãng sinh về Cực Lạc. Người chuyên niệm Phật ngày mười câu cho đến người lúc sắp chết niệm Phật mười câu còn được vãng sinh, huống chi người suốt đời chăm niệm Phật. Đây là điểm đặc biệt của pháp môn Tịnh Độ.

⁴⁵ Cứ gì ra của phí tài, Tín tâm niệm Phật mấy lời là tu: Người niệm Phật, nếu có điều kiện kinh tế để làm các việc từ thiện xã hội, cung tiền tài vật lên đình chùa, v.v... thì rất tốt. Nếu không có điều kiện kinh tế thì chỉ cần một lòng tín nguyện niệm Phật cũng chính là tu.

⁴⁶ Cứ gì đi hội đến chùa, Ở nhà niệm Phật là tu đó rồi: Niệm Phật ở đâu cũng được, nếu có thời gian đến chùa, đến đạo tràng, đến Pháp hội để nghe Pháp cộng tu cùng đại chúng được là rất tốt. Nếu bận rộn hoặc điều kiện không phù hợp, thì cứ thành tâm niệm Phật ngay tại nhà, tụng kinh niệm Phật trước ban thờ gia tiên cũng là tu vậy.

⁴⁷ Kìa ai tiền của đua vui, Lòng không tín niệm, của thôi ra gì: Làm các việc từ thiện xã hội, cung tiền tài vật lên đình chùa,... chỉ vì danh tiếng, mà không tín nguyện niệm Phật thì không ổn. (Vì, dù thật tâm làm các việc thiện thì kiếp sau cũng chỉ được tái sinh về đường lành trời người, vẫn thuộc cõi luân hồi sinh tử. Chỉ có niệm Phật, được vãng sinh về cõi Phật mới thoát khỏi luân hồi sinh tử khổ não).

⁴⁸ Kìa ai hề hội nức đi, Về rồi khuây lẳng, đi thì luống công: Dù náo nức đi chùa, đến tham dự các Pháp hội mà không lẳng lòng chuyên chú, khi về đến nhà rồi quên khuấy, thì cũng uổng công.

⁴⁹ Sao bằng lăm niệm tín lòng, Thí tài, siêng lay càng công quả nhiều: Làm sao bằng được người có lòng tin, siêng năng niệm Phật. Lại làm được các việc từ thiện, đem tiền của giúp đỡ người khổn khổ, cúng dàng Tam Bảo, chăm chỉ lay Phật, thì càng nhiều công đức.

Giàu sang một giấc chiêm bao
 130. Chết rồi mang được chút nào đem đi
 Tu thời sớm liệu tu đi
 Không tu khi xuống âm ty nào điều
 Đời người thiện ác trăm chiều
 Là thân khẩu ý nghiệp đều có ba⁵⁰
 135. Thân là mình tự làm ra
 Khẩu là miệng nói, ý là lòng mong
 Thiện thời sinh chốn thiên cung
 Ác thời địa ngục, hai dòng khác nhau
 Nghiệp ba mà thiện một điều
 140. Thì nơi tội ngục bận đầu được mình
 Ý thân dẫu ác rành rành
 Miệng là niệm Phật thời lành có khi⁵¹
 Miệng đà niệm Phật vân vi
 Lại tâm tưởng Phật, ý chi cũng lành
 145. Lăn tràng đã chính thân mình
 Ai rằng thân nghiệp chẳng lành nữa ru?⁵²
 Ba điều đã vẹn đường tu

⁵⁰ Đời người thiện ác trăm chiều, Là thân khẩu ý nghiệp đều có ba: Tất cả mọi suy nghĩ từ ý, nói năng từ miệng (khẩu), hành động từ thân, khi có chủ ý đều tạo thành “nghiệp”, tốt thì nghiệp thiện, xấu thì nghiệp ác, nên “thân khẩu ý” được gọi là “tam nghiệp” (ba nghiệp). Đời người làm bao nhiêu điều tốt hoặc xấu, đều do ba nghiệp này tạo ra. Nghiệp thiện thì kiếp sau sinh về đường thiện, nghiệp ác thì kiếp sau sinh về đường ác. Nghiệp là “dấu ấn” do ý nghĩ, lời nói, hành động tạo ra, được lưu lại trong Thần thức. Ví dụ khi ta làm việc tốt, tuy thời gian đã trôi qua không nhìn thấy việc tốt đó nữa, nhưng dấu ấn của việc tốt ấy đã được lưu lại trong Thần thức, trở thành nghiệp thiện. Nếu tích lũy nhiều nghiệp thiện, thì sau khi thân xác chết đi, nó sẽ dẫn dắt Thần thức tái sinh vào một trong các đường thiện, tùy theo mức độ lớn nhỏ của nghiệp.

⁵¹ Nghiệp ba mà thiện một điều, Thì nơi tội ngục bận đầu được mình. Ý thân dẫu ác rành rành, Miệng là niệm Phật thời lành có khi: Trong ba nghiệp thân khẩu ý, dù chỉ được một nghiệp thiện, thì cũng không bị dọa vào địa ngục. Tuy ý nghĩ xấu, thân hành động xấu, mà miệng niệm danh hiệu Phật thì đã được khẩu nghiệp thiện.

⁵² Miệng đà niệm Phật vân vi, Lại tâm tưởng Phật, ý chi cũng lành. Lăn tràng đã chính thân mình, Ai rằng thân nghiệp chẳng lành nữa ru: Khi miệng niệm danh hiệu Phật, trong tâm lại nghĩ tưởng đến Phật thì ý nghiệp thiện. Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, thân ngồi ngay ngắn, tay lăn tràng hạt, thì thân nghiệp cũng thiện. Vậy nên chỉ cần niệm Phật thì tự nhiên ba nghiệp thân khẩu ý đều thiện, chính là “niệm Phật chuyển nghiệp”.

Liên hoa thượng phẩm nghìn thu rõ ràng⁵³

Sang hèn già trẻ giữ thường

150. Cùng nên niệm Phật nguyện đường vãng sinh

Pháp tu này thực dễ thành

Chẳng cứ quý tiện hay mình hiền ngu

Trẻ già tăng tục cùng tu

Nghèo giàu trai gái cũng như một đường

155. Đều cùng niệm Phật ngày thường

Tiếng hoặc to nhỏ cứ đường làm ăn

Hoặc đỉnh lễ, hoặc tràng lần

Hoặc ngồi, hoặc đứng, hay nhân lúc nằm

Cũng cứ niệm Phật nhất tâm

160. Cầu sinh An Dưỡng,⁵⁴ tín cầm chớ sai

Niệm Phật bền giữ hôm mai

Vui mừng, sầu não, chớ sai trong lòng

Lúc mạnh khỏe, hoặc bệnh chung⁵⁵

Hoặc khi bức bách chẳng chung sai thời

⁵³ Ba điều đã vện đường tu, Liên hoa thượng phẩm nghìn thu rõ ràng: Khi cả ba nghiệp thân khẩu ý đều chuyên chú niệm Phật thuần thực thì chắc chắn được vãng sinh Liên hoa thượng phẩm. Liên hoa thượng phẩm: Hoa sen phẩm thượng. Phẩm sen ở cõi Cực Lạc quy làm chín cấp bậc (cửu phẩm): Thượng phẩm thượng sinh, Thượng phẩm trung sinh, Thượng phẩm hạ sinh, Trung phẩm thượng sinh, Trung phẩm trung sinh, Trung phẩm hạ sinh, Hạ phẩm thượng sinh, Hạ phẩm trung sinh, Hạ phẩm hạ sinh. Vãng sinh về một trong chín phẩm đều thoát khỏi luân hồi, sống mãi không già, nhưng mỗi phẩm khác xa về thời gian hoa nở, càng phẩm cao hoa càng nở sớm, càng mau thành Phật.

Cần lưu ý, trong đời dù làm bao nhiêu việc thiện mà không niệm Phật, thì nghiệp thiện đó cũng chỉ là nghiệp thiện thế gian, kiếp sau được sinh về đường lành trời người, vẫn trong vòng sinh tử luân hồi. Cần phải vừa làm thiện vừa niệm Phật, hoặc chí ít cũng phải giữ tâm thiện mà niệm Phật, thì nghiệp ấy là “nghiệp thanh tịnh”, mới được nhờ Phật lực mà vãng sinh về cõi Phật, vĩnh viễn thoát khỏi sinh tử luân hồi, an vui mãi mãi.

⁵⁴ An Dưỡng: Tên gọi khác của thế giới Cực Lạc.

⁵⁵ Bệnh chung: Lúc bị bệnh và lúc chết.

165. Nay công niệm Phật có mười⁵⁶

Rành rành Phật nói, bảo người ta hay:

“Một là thần tướng đêm ngày

Chư Thiên lục sĩ đều nay hộ trì”

“Hai là Quan Âm từ bi

170. Cùng chư Bồ Tát thường khi cứu mình”

“Ba là chư Phật chứng minh

A Di Đà Phật hiện hình phóng quang”

“Bốn là ma quỷ chẳng đương

Ác xà, độc dược, vẫn thường lánh xa”⁵⁷

175. “Năm là thủy hỏa can qua⁵⁸

Cung tên oan tặc⁵⁹ vẫn là chẳng chi”

“Sáu là túc nghiệp tiền vi⁶⁰

Oan khiên chấp đối không gì đến ta

“Bảy là mộng thấy Di Đà

⁵⁶ Nay công niệm Phật có mười: Niệm Phật được mười lợi ích lớn.

Người chí tâm niệm Phật, quyết định sẽ được mười điều lợi ích:

1-Ngày đêm thường được hết thảy chư thiên đại lực thần tướng ân thân bảo vệ.

2-Thường được hai mươi bốn vị đại Bồ Tát như Quán Âm bảo hộ.

3-Ngày đêm thường được chư Phật che chở, Phật A Di Đà thường phóng hào quang chiếu tới nhiếp thụ.

4-Hết thảy ma quỷ độc ác, Dạ xoa, La sát đều chẳng hại được, chẳng bị trúng phải rắn độc, thuốc độc.

5-Nước lửa, oán tặc, đao binh, súng ống, gông cùm, lao ngục, đột tử đều chẳng mắc phải.

6-Những tội nghiệp đã tạo khi trước đều được tiêu diệt.

7-Đêm ngủ mộng thấy điềm lành, hoặc thấy thân sắc vàng trắng diệu của Phật A Di Đà.

8-Tâm thường hoan hỷ, vẻ mặt tươi vui, khí lực sung mãn, việc làm tốt đẹp.

9-Thường được mọi người yêu quý kính trọng, lời nói ra được mọi người tin tưởng nghe theo.

10-Lúc lâm mệnh chung tâm không sợ hãi, giữ được chính niệm (luôn nhớ được danh hiệu A Di Đà Phật), Tây Phương Tam Thánh (gồm Phật A Di Đà, Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí) dùng đài vàng tiếp dẫn Thần thức vắng sinh về Cực Lạc.

Trong mười điều lợi ích này, thì chín điều trước đều là những lợi ích được chuyển hóa nghịch cảnh, tiêu trừ tai nạn ngay trong cuộc sống hiện tại, điều lợi ích cuối cùng là kiếp sau thoát khỏi luân hồi. Niệm Phật được lợi ích: chuyển biến nghịch cảnh, tiêu trừ tai nạn, sinh về Cực Lạc, còn có việc gì lớn lao hơn nữa, nhưng có những người không chịu hiểu, không chịu tin, thường hay viện mấy lý do như “quá bận rộn, không có thời gian”, “tâm tốt còn hơn niệm Phật”, để thoái thác một pháp tu muôn kiếp khó gặp, đây là câu nói vô cùng sai lầm, mà tâm người đó chắc gì đã tốt. Niệm Phật thì đi, đứng, nằm, ngồi đều làm được, dù là sĩ, nông, công, thương đều chẳng trở ngại gì đến công việc. Đã là người thật tâm niệm Phật thì ai cũng lương thiện, cho dù trước kia người đó gây nhiều nghiệp ác, thì đến khi phát tâm niệm Phật cầu đạo giải thoát cũng sẽ trở thành người thiện.

⁵⁷ Ác xà: rắn độc. Độc dược: thuốc độc.

⁵⁸ Thủy hỏa can qua: Các nạn nước lửa chiến tranh.

⁵⁹ Oan tặc: Giặc dã.

⁶⁰ Túc nghiệp tiền vi: Nghiệp xấu từ kiếp trước.

180. Tử kim sắc tướng Phật là chân thân”

“Tám là nhan sắc quang nhuận

Lòng thường hoan hỷ bội phân cát tường”

“Chín là người thể yếu đương⁶¹

Cung kính như Phật, nói thường tin nghe”

185. “Mười là lâm mệnh không mê⁶²

A Di Đà Phật dẫn về Tây Phương”

Niệm Phật một pháp rõ ràng

Hơn cả mọi pháp chẳng đường nào hơn

Cổ đức bàn rằng các môn

190. Học đạo như kiến lên non bao giờ

Niệm Phật tu hạnh Nhất thừa

Chóng như gió thổi buồm nhờ nước xuôi

Tây Phương mà đã sinh rồi

Chỉ phần lên, chẳng phần lui sau này

195. Thượng phẩm Phật quả chứng ngay

⁶¹ Người thể yếu đương: Người đời yếu quý.

⁶² Lâm mệnh: Nói tắt của từ “lâm mệnh chung”, cuối giai đoạn lâm chung, là lúc Thần thức sắp rời khỏi thể xác, quan trọng nhất lúc này, nhờ giữ được chính niệm, được Đức Phật A Di Đà và các Thánh chúng hiện ra trước mặt, khiến tâm không mê loạn điên đảo, khi mệnh chung (mạng hết), Thần thức thoát ra, liền được theo Phật vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Thời gian bắt đầu lâm chung, từ lúc hấp hối đến khi Thần thức rời khỏi thể xác mỗi người khác nhau, có khi chỉ vài ba tiếng, có khi kéo dài tới 24 tiếng, lâu nhất là hai ngày, thông thường chỉ khoảng từ 8 tiếng đến 12 tiếng đồng hồ. Trong khoảng thời gian này, người sắp chết rất cần được yên tĩnh và cần có người bên cạnh niệm Phật giúp cho giữ được chính niệm mà được vãng sinh (nhất là đối với người lúc sống chưa từng tu niệm Phật), nên các bậc Tổ sư xưa, bắt đầu từ Đại sư Thiện Đạo (613-681) đã đề xướng và thực hành trợ niệm cho người sắp chết có thêm nhiều cơ hội được vãng sinh. Hộ niệm có hiệu quả rất cao, nên ngày càng phổ biến tại các nước theo Phật giáo Đại thừa. Nước ta có nhiều Ban Hộ Niệm do các chùa các đạo tràng thành lập, luôn sẵn lòng niệm Phật trợ niệm giúp người lúc lâm chung trên tinh thần hoàn toàn thiện nguyện.

Hạ phẩm thời cũng hơn rày thiên cung⁶³
 Công đức lớn rộng chẳng cùng
 Tu thời dễ dãi, nào chung khó gì
 Gái trai già trẻ với khi
 200. Sang hèn tăng tục cùng thì mặn chay
 Ai ai tu cũng được rày
 Ngày mười câu niệm, công nay cũng thành⁶⁴
 Niệm rồi khẩn nguyện phân minh
 Sau này đến lúc Phật nghinh tiếp về
 205. Pháp tu này khó gặp kỳ
 May mà biết được, lớn khi thế nào
 Niệm Phật người ấy kể vào
 Hoa Phân Đà Lợi quý cao bậc người
 Quan Âm, Thế Chí rồi thời
 210. Làm thắng thiện hữu ngời nơi đạo tràng
 Sinh sang chư Phật gia đường

⁶³ Thượng phẩm Phật quả chứng ngay, Hạ phẩm thời cũng hơn rày thiên cung: Bạc tu cao được vãng sinh Thượng phẩm mau chóng thành Phật, người tu thấp tuy chỉ được vãng sinh Hạ phẩm, nhưng còn hơn sinh về cõi trời (thiên cung, thiên đường) gặp bội phần, vì các cõi trời vẫn thuộc cõi luân hồi, dù sung sướng, được sống lâu, nhưng vẫn có ngày phải chết, lại tiếp tục luân hồi, khi hưởng hết phúc trời có thể đọa ngay vào ba đường ác. Chỉ cần sinh về Cực Lạc, dù phẩm vị thấp nhất, cũng đã thoát khỏi luân hồi, không bị lui chuyển, sống mãi đến khi thành Phật, mà tu thì dễ, cứ tin tưởng niệm Phật nguyện vãng sinh là được. Còn nếu không niệm Phật mà muốn sinh về cõi trời, thì phải giữ trọn mười nghiệp thiện, vừa khó hơn niệm Phật bội phần, mà kết quả thì kém xa.

Mười nghiệp thiện gồm: Không: 1/Sát sinh (giết hại sinh mạng người, động vật, côn trùng), 2/Thâu đạo (trộm cướp), 3/Tà dâm (quan hệ bất chính ngoài vợ chồng), 4/Vọng ngữ (nói xằng, nói dối), 5/Ỗ ngữ (nói thêu dệt), 6/Lường thiệt (nói đâm thọc), 7/Ác khẩu (nói hung dữ), 8/Tham (tham lam), 9/Sân (cáu giận), 10/Si (mê muội). Đã không phạm mà còn làm tốt, như đã không sát sinh mà còn phóng sinh cứu vật, v.v... Để làm được trọn vẹn mười điều này, quả thật là vô cùng khó đối với người bình thường, còn niệm Phật thì ai cũng niệm được.

Lại nữa, nếu không niệm Phật mà muốn tái sinh trở lại cõi người cũng phải giữ năm giới, thật sự ít người giữ được trọn vẹn. Người niệm Phật luôn giữ năm giới, làm mười điều thiện, giữ giới và làm thiện được càng nhiều càng tốt, rồi đem công đức ấy hồi hướng về Cực Lạc, dù không làm được thì cứ giữ tâm thiện mà niệm Phật sẽ được vãng sinh. Niệm Phật cầu sinh về Cực Lạc làm thánh, còn dễ hơn nhiều so với giữ giới để được trở lại làm người. Không niệm Phật, lại không giữ trọn vẹn được năm giới, thì kiếp sau khó tránh bị rơi vào ba đường ác Địa ngục, Ngã quỷ, Súc sinh.

⁶⁴ Gái trai già trẻ với khi, Sang hèn tăng tục cùng thì mặn chay. Ai ai tu cũng được rày, Ngày mười câu niệm, công nay cũng thành: Không kể trai hay gái, không kể người giàu sang, kẻ nghèo hèn, người xuất gia, người tại gia, người ăn chay hoặc không ăn chay, tất cả mọi người, ai cũng tu được theo pháp môn Tịnh Độ. Người tu bậc cao suốt ngày niệm Phật, cho đến người quá bận rộn, hằng ngày chỉ niệm mười câu, cũng đều được vãng sinh. Phật A Di Đà có nguyện lớn cứu độ chúng sinh vô điều kiện, chỉ cần chúng sinh một lòng tưởng niệm Ngài, muốn được về nước Ngài, thì đều được vãng sinh. Giả sử chỉ có người xuất gia, người ăn chay niệm Phật mới được vãng sinh, thì pháp môn Tịnh Độ sao có thể gọi là Pháp “phổ độ chúng sinh” được. Chữ “ngày mười câu niệm” được Thiền sư Tịnh Định nhắc đến ba lần trong bộ kinh, cho thấy tư tưởng Tịnh Độ của Ngài bao trùm rộng khắp, Ngài đưa pháp môn Tịnh Độ phổ cập đến với mọi tầng lớp nhân dân.

Về sau hưởng phúc thọ trường hà sa⁶⁵

Bây giờ ta giữ thân ta

Hồi tâm tưởng Phật Di Đà niệm siêng

215. Tâm ta là đất trồng sen

Miệng ta là nước tưới liền tốt xanh

Sớm khuya hai buổi tinh thành⁶⁶

Như ôm trái núi, như canh đồng vàng

Lại thêm khuyển bảo hộ hàng

220. Niệm trì ấn tống⁶⁷ thời càng phúc thêm

Rồi ra được thấy Thánh Hiền

Cùng mười phương Phật ở miền Tây Phương

Tam đồ bát nạn chẳng vương⁶⁸

Lại được chứng quả Phật đường trao ghi⁶⁹

225. Ai mà ấn tống đưa đi

Kinh này một quyển bằng thì nghìn trăm

⁶⁵ Niệm Phật người ấy kể vào, Hoa Phân Đà Lợi quý cao bậc người. Quan Âm, Thế Chí rồi thời, Làm thắng thiện hữu ngồi nơi đạo tràng. Sinh sang chư Phật gia đường, Về sau hưởng phúc thọ trường hà sa: Đoạn này trích từ Thập Lục Quán Kinh Diễn Âm. Nguyên văn chữ Hán: 若念佛者，當知此人，則是人中分陀利華。觀世音菩薩，大勢至菩薩，為其勝友。當坐道場，生諸佛家。(Nhược niệm Phật giả, đương tri thử nhân, tắc thị nhân trung phân đà lợi hoa. Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, vi kỳ thắng hữu. Đương tọa đạo tràng, sinh chư Phật gia). Nghĩa là: *Nếu người nào niệm Phật, nên biết người ấy chính là hoa Sen Trắng trong loài người. Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí sẽ là bạn tốt của người ấy. Người ấy sẽ ngồi nơi đạo tràng, sinh vào nhà chư Phật.*

Phân Đà Lợi là phiên âm tiếng Phạn, nghĩa là hoa Sen Trắng, là hoa tuyệt vời nhất trong các hoa sen.

Thọ trường hà sa: Tuổi thọ dài như cát sông Hằng, ý nói sống lâu mãi mãi. Trong kinh nói, đã sinh về Cực Lạc thì không còn chết nữa.

⁶⁶ Tinh thành: Rất thật lòng, thật tâm chuyên chú.

⁶⁷ Niệm trì ấn tống: Niệm Phật tu trì, in ấn phát tạng kinh này.

⁶⁸ Tam đồ bát nạn chẳng vương: Chẳng bị vướng vào Ba đường Tám nạn. Tam đồ là ba đường ác: 1/Huyết đồ (súc sinh), 2/Đao đồ (ngã quỷ), 3/Hỏa đồ (địa ngục). Bát nạn là tám nạn mà chúng sinh khó gặp được Phật pháp để tu đạo giải thoát: 1/Sinh vào đường địa ngục, 2/Sinh vào đường súc sinh, 3/Sinh vào đường ngã quỷ, 4/Sinh vào cõi trời Trường Thọ, 5/Sinh vào châu Uất Đan Việt (Bắc Câu Lư), 6/Sinh làm người nhưng căn khuyết (đuôi điếc câm ngọng), 7/Thê trí biện thông (người thông minh lanh lợi, tài biện bác, hiểu việc đời, nhưng thiếu thiện căn, chỉ thấy những sự việc thường tình, cố chấp, kiêu ngạo, gặp Phật pháp cũng không tin), 8/Sinh vào thời không có Phật, không có giáo pháp của Phật.

⁶⁹ Trao ghi: Dịch từ “thụ ký”, nghĩa là được Đức Phật ấn chứng, nói trước cho biết về quả vị Phật sẽ thành trong tương lai.

Phật rằng thí pháp⁷⁰ không chừng
 Muôn nghìn châu báu không bằng lời kinh
 Bớt ăn bớt mặc ở mình
 230. Để mà lấy phúc hiển vinh lâu dài
 Áo cơm có hạn mà thôi
 Rồi ra của đời trả hết về không
 Sao bằng tích phúc lấy công
 Nhân duyên thoát khỏi cái vòng tử sinh⁷¹
 235. Tu thời muôn kiếp được vinh
 Há như dương phúc chung mình mà thôi⁷²
 Kia như xá mán cõi ngoài⁷³
 Kinh vàng lời ngọc đến tai bao giờ
 Luân hồi ức kiếp từ xưa
 240. Bây giờ mới gặp được cơ duyên này
 Ngọc vàng như núi nhiều thay
 Không bằng mừng được kinh này còn hơn⁷⁴
 Kinh này tai đã nghe tron

⁷⁰ Thí pháp: Là một trong bốn loại bố thí. Bố thí nghĩa là cho khắp. Bốn loại bố thí gồm: 1/Tài thí (giúp tiền của cho người), 2/Pháp thí (đem đạo lành, đem kiến thức chỉ dạy cho người), 3/Vô úy thí (an ủi người lúc buồn khổ, cứu giúp người lúc nguy nan; phóng sinh, cứu vật thoát khỏi sợ hãi), 4/Tâm thí (sức tuy không thể giúp người, nhưng trong lòng luôn mong muốn người được yên vui). Trong đó pháp thí là hơn cả, khuyên người làm lành niệm Phật là pháp thí lớn nhất.

⁷¹ Vòng tử sinh: Vòng sinh tử luân hồi, sinh ra chết đi rồi lại sinh ra chết đi, quanh quẩn mãi trong sáu đường.

⁷² Tu thời muôn kiếp được vinh, Há như dương phúc chung mình mà thôi: Niệm Phật tu trì, vãng sinh về cõi Phật thì an vui mãi mãi, đâu phải như phúc báo ở dương gian, chỉ hưởng hết một đời này mà thôi.

⁷³ Xá mán: Vùng sâu, vùng dân tộc xa xôi hẻo lánh. Cõi ngoài: Nơi ngoài vùng văn minh. Là những nơi khó có cơ hội gặp được Phật pháp.

⁷⁴ Luân hồi ức kiếp từ xưa, Bây giờ mới gặp được cơ duyên này. Ngọc vàng như núi nhiều thay, Không bằng mừng được kinh này còn hơn: Từ thuở xa xưa đến giờ, Thần thức mỗi người đã từng trải qua rất nhiều kiếp sống, sinh ra rồi chết đi, lại sinh ra rồi chết đi, xoay chuyển mãi trong Lục đạo, gồm sáu đường: Trời, Người, A tu la, Súc sinh, Ngã quỷ, Địa ngục, lúc thì làm người, làm thần, tiên, làm người trời, lúc thì sinh làm các loài vật, làm các loài ma quỷ. Nay đang được sinh làm thân người, có trí tuệ nhận thức, lại có cơ duyên đọc được kinh này, biết đến Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, một pháp tu khiến cho chúng ta dễ dàng thoát khỏi sinh tử luân hồi, về với cảnh giới Phật. Ví dù có được vàng ngọc nhiều như núi cao, thì niềm vui ấy cũng không thể so sánh với niềm vui gặp được kinh này, vì vàng ngọc tuy quý, nhưng thân này không bền mãi, cuộc đời chỉ có vài chục năm ngắn ngủi, đến khi chết rồi không mang vàng ngọc theo được, Thần thức tiếp tục bị luân hồi khổ não, còn thực hành niệm Phật theo bộ kinh này, thì sau khi xả bỏ báo thân, sẽ được vãng sinh về nước Phật, về nơi mọi thứ đều bằng châu báu, sống mãi không già, có đủ thần thông đạo lực, muốn gì được đấy, an vui vĩnh viễn.

8. Lời kết

Chư kinh điển âm ra đời vào những năm cuối thế kỷ 19, đến nay đã có trên 120 năm. Bộ kinh vừa xiển dương giáo pháp Phật Đà mang đến lợi ích thiết thực cho xã hội, vừa là di sản văn hóa bảo tồn chữ Nôm và ngôn ngữ dân tộc Việt. Càng nghiên cứu sâu chúng ta càng thấy giá trị của bộ kinh và công đức của Thiền sư Tính Định khó thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, vì chiến tranh phá hoại, chùa Xiển Pháp chỉ còn trong ký ức, *Chư kinh điển âm* cũng bị xao lãng trong thời gian khá dài. Rất may, các thư viện còn lưu trữ được đủ bộ kinh, trong đó bản HN446-SP153 được lưu trong Viện Thông tin Khoa học xã hội do bậc tiền nhân tập hợp và viết Tổng mục là bản chuẩn mực, hiện nay đã được phục hưng xuất bản toàn bộ bằng phiên bản đối chiếu Nôm-Quốc ngữ, giữ nguyên bản chữ Nôm gốc. Mong rằng, *Chư kinh điển âm*, một di sản văn hóa đặc sắc của Phật giáo Việt Nam sẽ được các giới tăng ni, cư sĩ, nhân sĩ trí thức nghiên cứu, giảng giải, hoằng dương rộng rãi, để bảo tồn và lưu truyền lâu dài cho các thế hệ mai sau.

Hà Nội, tháng 2 năm 2022

Cư sĩ Nguyễn Văn Quyền

(Đệ tử học Phật)

⁷⁵ Trích dẫn Yếu Lục

Ghi số hàng số trang theo bản Nôm ảnh màu <https://drive.google.com/file/d/1BKGPBjR0MySQoPEE6bsjUsDkLjA81FCP/view?usp=drivesdk>, hoặc xem tại bản Nôm ảnh đen trắng https://drive.google.com/file/d/1Td7xht_82ySL2gqYFnn_XFW4WimRCUg/view?usp=drivesdk:

Câu 1 - 148: Trích lục từ hàng 2 trang 101 đến hàng 5 trang 108.

Câu 149 - 150: Trích lục từ hàng 7 trang 112.

Câu 151 - 160: Trích lục từ hàng 7 trang 205 đến hàng 1 trang 206.

Câu 161 - 164: Trích lục từ hàng 9 - 10 trang 208.

Câu 165 - 186: Trích lục từ hàng 9 trang 112 đến hàng 9 trang 113.

Câu 187 - 204: Trích lục từ hàng 6 trang 99 đến hàng 4 trang 100.

Câu 205 - 206: Trích lục từ hàng 8 trang 199.

Câu 207 - 212: Trích lục từ hàng 8 - 10 trang 196.

Câu 213 - 244: Trích lục từ hàng 7 trang 16 đến hàng 2 trang 18.

Ghi số dòng số trang theo bản Quốc ngữ: <https://drive.google.com/file/d/1aP96Ymtq38uV9LB9Au0zGmE2YxgOj2aD/view?usp=drivesdk>:

Câu 1 - 148: Trích lục từ dòng 5 trang 101 đến dòng 10 trang 108.

Câu 149 - 150: Trích lục từ dòng 13 - 14 trang 112.

Câu 151 - 160: Trích lục từ dòng 13 trang 205 đến dòng 2 trang 206.

Câu 161 - 164: Trích lục từ dòng 17 - 20 trang 208.

Câu 165 - 186: Trích lục từ dòng 16 trang 112 đến dòng 18 trang 113.

Câu 187 - 204: Trích lục từ dòng 11 trang 99 đến dòng 8 trang 100.

Câu 205 - 206: Trích lục từ dòng 19 - 20 trang 199.

Câu 207 - 212: Trích lục từ dòng 15 - 20 trang 196.

Câu 213 - 244: Trích lục từ dòng 13 trang 16 đến dòng 4 trang 18.

Bản Chư Kinh Điển Âm Yếu Lục được soạn vào sáng 12 tháng 3 năm Tân Sửu (23/04/2021).

Khóa tụng: https://drive.google.com/file/d/1n_7zP9mNIM69BtYNiYPL14Bco5Rr-it/view?usp=drivesdk

Tài liệu tham khảo

1. 弥陀因菓正經演音 *Di đà nhân quả chính kinh diễn âm*, mã số NLVNPF-0148.R.5651. Thư viện Quốc gia Việt Nam. (<https://lib.nomfoundation.org/collection/1/volume/193/>).
2. 佛說五王經演音 *Phật thuyết ngũ vương kinh diễn âm*, mã số NLVNPF-0851.R.356. Thư viện Quốc gia Việt Nam. (<https://lib.nomfoundation.org/collection/1/volume/1060/>).
3. 諸經演音 *Chư kinh trích yếu diễn âm*, mã số: HN446-SP153. Viện Thông tin Khoa học Xã hội, trên đường link thư viện Anh: <https://eap.bl.uk/archive-file/EAP219-1-9-3>
4. 龍舒淨土演音 *Long Thư Tịnh Độ diễn âm*, ký hiệu: AB.94. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (<https://drive.google.com/file/d/1fRZACatSpYkpDbpzqmIdN-BPawzSZNet/view?usp=drivesdk>)
5. 佛說十六觀經演音 *Phật thuyết thập lục quan kinh diễn âm*, ký hiệu: AB.95. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (https://drive.google.com/file/d/1d_bDAagM-Z_u_GCUfTaHEQrAWNo56b3w/view?usp=drivesdk)
6. 因果諸經摘要演音 *Nhân quả chư kinh trích yếu diễn âm*, ký hiệu: AB.96. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (https://drive.google.com/file/d/14a5-_wAcOFTVj-wu8cNzPb7oGDvS3IQS/view?usp=drivesdk)
7. 佛說目連救母經演音 *Phật thuyết Mục Liên cứu mẫu kinh diễn âm*, ký hiệu: AB.97. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (<https://drive.google.com/file/d/1wBxUng6ittltnclXqPn17GyVFETDOK/view?usp=drivesdk>)
8. 諸經演音 *Chư kinh diễn âm*, ký hiệu: AB.98. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (<https://drive.google.com/file/d/1-M9WHw1kVBdmSaSv45G9KqPGOdCc0Y6G/view?usp=drivesdk>)
9. 歸元淨土演音 *Quy nguyên Tịnh Độ diễn âm*, ký hiệu: AB.99. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (<https://drive.google.com/file/d/1hL9YHacEBnQpht1Twakt9E4kSbdy2ins/view?usp=drivesdk>)

10. 厨餘佛特福紹罪因緣 *Làm chùa thờ Phật được phúc chịu tội nhân duyên*, ký hiệu: AB.100. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (https://drive.google.com/file/d/1JIIYU_olxx7HELwWC2bbhg7B5tQXpSP0/view?usp=drivesdk)
11. 布施公德經 *Bố thí công đức kinh*, ký hiệu: AB.101. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (<https://drive.google.com/file/d/1aIEliOBf0Qsg1TmJVBkmVBEkljMozLoM/view?usp=drivesdk>)
12. 布施公德經演音 *Bố thí công đức kinh diễn âm*, ký hiệu: AB.102. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (<https://drive.google.com/file/d/1bbHYt4yvzIxCdJk3s98vkfrHVFdGCiG-/view?usp=drivesdk>)
13. 佛說五王經演音 *Phật thuyết ngũ vương kinh diễn âm*, ký hiệu: AB.103. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (https://drive.google.com/file/d/1B_nnhaZGl6OKkucCoABPP_ujAkmBBwh/view?usp=drivesdk)
14. 出家功德經演音 *Xuất gia công đức kinh diễn âm*, ký hiệu: AB.104. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (<https://drive.google.com/file/d/1G7iSSZUivGKZY1JbGiO2wgFpyXog0Oe7/view?usp=drivesdk>)
15. 法施要錄 *Pháp thí yếu lục*, ký hiệu AB.450. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (Tức 經訓持念法言摘要演音 *Kinh huấn trì niệm pháp ngôn trích yếu diễn âm*. https://drive.google.com/file/d/19jHPr3JRVv1ffnuNPOjEUawSDr8kYXm_/view?usp=drivesdk).
- 16-Vương Thị Hường, (2013), Chùa Xiển Pháp, Hà Nội- Ngôi chùa và những cuốn sách kinh Phật, Tạp chí Hán Nôm (120). (http://www.hannom.org.vn/images_upload/pdf_2296.pdf)
- 17-Tỷ khiêu ni Thích Đàm Vân, *Vài nét sơ lược về chùa Xiển Pháp và vị Tổ sư khai sáng*. (<http://chuaxaloivn/thong-tin/vai-net-so-luoc-ve-chua-xien-phap-va-vi-to-su-khai-sang/2585.html>).
18. *Chư kinh diễn âm (kinh Di Đà & kinh Nhân Quả)*. Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2021. (<https://drive.google.com/file/d/15auTzuXsHtfyrKPfqcYI8Q7cy2BzEvi4/view?usp=drivesdk>).